



ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

# Những điều cần biết

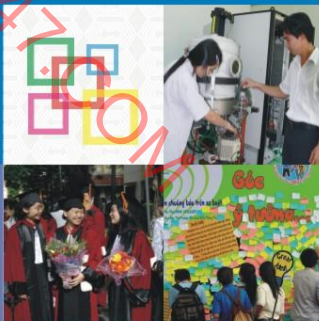
VỀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

# 2014

#### Đơn vị thành viên:

Trường Đại học Bách khoa  
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn  
Trường Đại học Kinh tế - Luật  
Trường Đại học Quốc tế  
Trường Đại học Công nghệ Thông tin  
Khoa Y

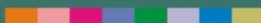
- Thông tin tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2014
- Chỉ tiêu tuyển sinh, ngành đào tạo năm 2014
- Điểm trúng tuyển NV1 các năm 2011, 2012, 2013



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2014



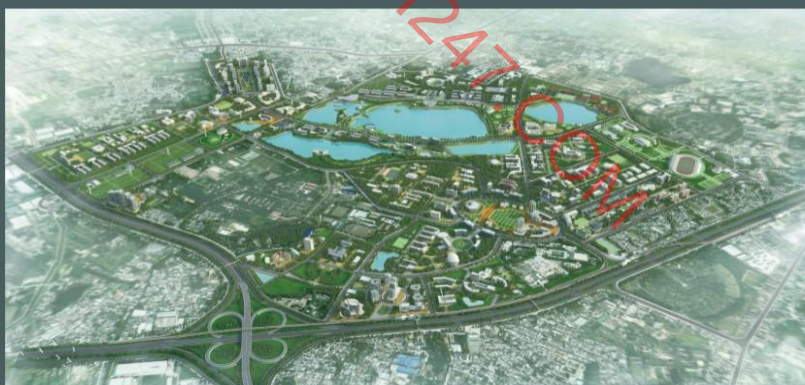
## Khu đô thị ĐHQG-HCM



Giảng đường



Khu Ký túc xá



Toàn cảnh khu đô thị ĐHQG-HCM



**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT**  
**VỀ TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG**  
**NĂM 2014**

**(Lưu hành nội bộ)**

**TP. Hồ Chí Minh - 2014**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP. HCM

**BAN ĐẠI HỌC VÀ SAU ĐẠI HỌC**

Tel: (08) 37242181 - 37242160 (Số nội bộ 1331)

Fax: (08) 37242190

Email: [bandaotao@vnuhcm.edu.vn](mailto:bandaotao@vnuhcm.edu.vn)

Website: <http://aad.vnuhcm.edu.vn>

Ban biên tập chân thành cảm ơn ĐHQG-HCM, các trường thành viên, khoa trực thuộc, viện Đào tạo Quốc tế (IEI), trung tâm đào tạo Quốc tế ITEC - trường đại học Khoa học Tự nhiên, Trung tâm đại học Pháp (PUF) và các đồng nghiệp đã hỗ trợ thông tin, giúp chúng tôi thực hiện cuốn **Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2014 của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.**

Mọi ý kiến đóng góp vui lòng gửi về Ban Đại học và Sau đại học qua địa chỉ email: [bandaotao@vnuhcm.edu.vn](mailto:bandaotao@vnuhcm.edu.vn).

## MỤC LỤC

|                                                                                                                          |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>LỜI NÓI ĐẦU.....</b>                                                                                                  | <b>2</b>  |
| <b>THÔNG TIN CHUNG VỀ TUYỂN SINH NĂM 2014 .....</b>                                                                      | <b>7</b>  |
| <b>ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀ CÔNG TÁC XÉT TUYỂN .....</b>                                                                        | <b>8</b>  |
| <b>DỰ KIẾN ĐỢT THI VÀ LỊCH THI TUYỂN SINH .....</b>                                                                      | <b>10</b> |
| <b>THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐH, CĐ NĂM 2014 CỦA CÁC TRƯỜNG<br/>THÀNH VIÊN, KHOA TRỰC THUỘC ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM...11</b> |           |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA .....                                                                                           | 12        |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN.....                                                                                    | 19        |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....                                                                                  | 21        |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT.....                                                                                       | 23        |
| TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN .....                                                                              | 25        |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ.....                                                                                              | 27        |
| KHOA Y .....                                                                                                             | 35        |
| KÝ TÚC XÁ ĐHQG-HCM.....                                                                                                  | 38        |
| VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ (IEI) ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH ..                                                            | 41        |
| TRUNG TÂM ĐẠI HỌC PHÁP (PUF-HCM) ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ<br>MINH.....                                                 | 45        |
| TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ ITEC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC<br>TỰ NHIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH.....                  | 48        |
| <b>PHỤ LỤC 1 .....</b>                                                                                                   | <b>51</b> |
| <b>PHỤ LỤC 2 .....</b>                                                                                                   | <b>61</b> |

## LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn **Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2014 của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM)** cung cấp những thông tin về ĐHQG-HCM, các trường đại học thành viên, khoa trực thuộc và các thông tin chi tiết về công tác thi tuyển và xét tuyển trong toàn hệ thống ĐHQG-HCM: tên trường, ký hiệu trường, mã ngành tuyển sinh, khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh theo nhóm ngành/ngành, các điều kiện về xét tuyển trong hệ thống ĐHQG-HCM.

Thông tin trong cuốn **Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2014 của ĐHQG-HCM** giúp thí sinh lựa chọn ngành/nhóm ngành, đăng ký, làm hồ sơ dự thi chính xác. Các thông tin chi tiết về ngành/nhóm ngành tuyển sinh, đào tạo có thể tham khảo từ trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM (<http://aad.vnuhcm.edu.vn> và <http://tuvantuyensinh.vnuhcm.edu.vn/tuvantructuyen>) và các trường đại học thành viên, khoa trực thuộc.

Với thông tin trong cuốn **Những điều cần biết về tuyển sinh đại học và cao đẳng năm 2014 của ĐHQG-HCM** sẽ cung cấp đầy đủ thông tin, đáp ứng được sự mong mỏi của các bạn học sinh trong việc lựa chọn trường thi, ngành dự thi phù hợp và chính xác.

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**



## ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐHQG-HCM được xây dựng theo mô hình đô thị đại học hiện đại với diện tích 643,7 hecta tại khu quy hoạch Thủ Đức – Dĩ An. Quy mô đào tạo chính quy (bao gồm đại học và sau đại học) của ĐHQG-HCM khoảng 50.000 sinh viên với 89 ngành đào tạo trình độ đại học, 89 ngành đào tạo thạc sĩ và 91 ngành đào tạo tiến sĩ thuộc các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và kinh tế - kinh doanh. Tổng số cán bộ, công chức của ĐHQG-HCM là 5.625, trong đó có 2.608 cán bộ giảng dạy (thạc sĩ: 1.869; tiến sĩ: 1.087; GS, PGS: 249).

Tại khu đô thị ĐHQG-HCM hiện có hệ thống ký túc xá với hơn 60.000 chỗ ở do Chính phủ, ĐHQG-HCM và các tỉnh đầu tư xây dựng, đảm bảo

chỗ ở cho sinh viên nội trú (<http://ktx.vnuhcm.edu.vn/>).

**Đại học Quốc gia TP.HCM (ĐHQG-HCM)** là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học - công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt trình độ tiên tiến, làm nòng cốt cho hệ thống giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống thư viện ĐHQG-HCM là một mạng lưới các thư viện liên thông, liên kết, cùng phối hợp tổ chức các hoạt động giữa Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM và Thư viện các trường, viện và khoa trực thuộc nhằm cung cấp các nguồn tài nguyên thông tin và các dịch vụ thông tin cho giảng viên, các nhà nghiên cứu, sinh viên và cán bộ viên chức của ĐHQG-HCM.

Phục vụ nhu cầu học tập, sinh hoạt của sinh viên có các khu thương mại, khu tập luyện thể thao, hệ thống xe buýt,...

---

Khu phố 6, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh  
ĐT: (08)37242181-37242160 (Số nội bộ 1331); Fax: (08)37242190

Website: <http://aad.vnuhcm.edu.vn>

---

*ĐHQG-HCM gồm 06 trường đại học, 01 khoa, 01 viện và trung tâm trực thuộc có đào tạo trình độ đại học là: Trường ĐH Bách khoa (QSB), Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (QST), Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn (QSN), Trường ĐH Quốc tế (QSQ), Trường ĐH Công nghệ Thông tin (QSC), Trường ĐH Kinh tế - Luật (QSK), Khoa Y (QSY), Viện Đào tạo Quốc tế (IEI) và Trung tâm Đại học Pháp (PUF).*

### ❖ Trường Đại học Bách khoa

Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Khoa học Kỹ thuật, Công nghệ. Mục tiêu của Trường là tạo ra bước phát triển đáng kể về giá trị và đóng góp cho xã hội thông qua các hoạt động giáo dục đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong môi trường sáng tạo, chuyên nghiệp.

Các nhóm ngành/ngành đào tạo: Công nghệ Thông tin, Điện - Điện tử, Cơ khí - Cơ Điện tử, Công nghệ Hóa - Thực phẩm - Sinh học, Xây dựng, Kỹ thuật - Địa chất - Dầu khí, Kỹ thuật và Quản lý Môi trường, Kỹ thuật giao thông, Vật lý Kỹ thuật - Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật Dệt may, Kiến trúc, Quản lý Công nghiệp, Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp, Kỹ thuật Vật liệu, Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ, Kỹ thuật Vật liệu xây dựng, Bảo dưỡng Công nghiệp (CĐ).

### ❖ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên

Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tạo ra những sản phẩm tinh hoa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao của đất nước, phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập quốc tế.

Các nhóm ngành/ngành đào tạo: Công nghệ Thông tin, Toán học, Vật lý, Kỹ thuật hạt nhân, Kỹ thuật Điện tử - Truyền thông, Hải dương học, Hóa học, Địa chất, Khoa học môi trường, Công nghệ Kỹ thuật môi trường, Khoa học vật liệu, Sinh học, Công nghệ sinh học, Công nghệ Thông tin (CĐ).

### ❖ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, từng bước định hướng là trường đại học nghiên cứu theo mô hình hiện đại của đại học thế giới, đóng vai trò nòng cốt trong hệ thống giáo dục đại học về các ngành khoa học xã hội và nhân văn của VN và tại khu vực châu Á.



Các nhóm ngành/ngành đào tạo: Văn học, Ngôn ngữ học, Báo chí, Lịch sử, Nhân học, Triết học, Địa lý học, Xã hội học, Thông tin học, Đông phương học, Giáo dục học, Lưu trữ học, Văn hóa học, Công tác xã hội, Tâm lý học, Quy hoạch vùng và Đô thị, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Nhật Bản học, Hàn Quốc học, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Quan hệ quốc tế, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Italia.

### ❖ Trường Đại học Kinh tế - Luật

Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế và luật, cung cấp cho xã hội các chuyên gia kinh tế, tài chính – ngân hàng, luật, kinh doanh và quản lý có tầm chiến lược và khả năng thích ứng cao, phục vụ thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Các nhóm ngành/ngành đào tạo: Kinh tế học, Kinh tế đối ngoại, Kinh tế và quản lý công, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị kinh doanh, Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế, Luật dân sự, Luật Tài chính - Ngân hàng - Chứng khoán, Kinh doanh Quốc tế. Các ngành mới (dự kiến): Marketing, Thương mại Điện tử.

### ❖ Trường Đại học Quốc tế

Đào tạo nguồn nhân lực trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, quản lý,... Sinh viên được giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh trong môi trường theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho công nghiệp và xã hội, phục vụ cộng đồng cũng được Trường quan tâm.

Các nhóm ngành/ngành đào tạo: Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Quản trị kinh doanh, Công nghệ sinh học, Điện tử - viễn thông, Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Kỹ thuật y sinh, Quản lý nguồn lợi thủy sản, Công nghệ thực phẩm, Tài chính - Ngân hàng, Kỹ thuật xây dựng. Các ngành mới (dự kiến): Hóa học (Hóa sinh), Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

## ❖ Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đồng thời tiến hành nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thông tin tiên tiến, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng góp phần đẩy mạnh sự phát triển của nền công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

Các nhóm ngành/ngành đào tạo: Khoa học máy tính, Kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và truyền thông, An toàn Thông tin.

## ❖ Khoa Y

Là cơ sở đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ chất lượng cao thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe. Được xây dựng và phát triển trên cơ sở sức mạnh hệ thống của ĐHQG-HCM. Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học sức khỏe (bác sĩ đa khoa,...). Chương trình đào tạo tích hợp hệ thống, tăng cường thực hành, đặc biệt thực hành bệnh viện và thực hành cộng đồng, tăng cường giáo dục về thái độ, đạo đức nghề nghiệp.

Ngành đào tạo: Y đa khoa.

## **ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ TUYỂN SINH NĂM 2014**

ĐHQG-HCM tuyển sinh trong cả nước.

- Ngày thi và khối thi theo quy định thi 3 chung của Bộ GD&ĐT.
- Điểm trúng tuyển theo ngành/nhóm ngành hoặc theo đơn vị đào tạo.
- Thí sinh không trúng tuyển vào ngành đăng ký dự thi nguyện vọng 1 (NV1), có thể được xét tuyển vào ngành cùng khối thi, có điểm trúng tuyển thấp hơn, còn chỉ tiêu tại các đơn vị đào tạo trong ĐHQG-HCM. Xem chi tiết thủ tục đăng ký các nguyện vọng chuyển ngành trên giấy báo dự thi và trên các trang web của các trường/khoa.
- Hệ cao đẳng của trường ĐH Bách khoa, trường ĐH Khoa học Tự nhiên không tổ chức thi tuyển, mà lấy kết quả thi năm 2014 của những thí sinh đã dự thi khối A, A1 vào các trường đại học theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển, trên cơ sở các hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.
- Năm 2014, tuyển sinh khối thi A1 cho các ngành/nhóm ngành tại các trường ĐH Bách khoa, trường ĐH Khoa học Tự nhiên, trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn, trường ĐH Quốc tế, trường ĐH Kinh tế - Luật, trường ĐH Công nghệ thông tin; áp dụng nhân hệ số cho môn thi trong xét tuyển của một số ngành/nhóm ngành, chi tiết xem thông tin tuyển sinh của từng trường/khoa.
- Tuyển sinh các chương trình đào tạo Chất lượng cao với học phí tương ứng, chương trình tài năng, chương trình tiên tiến.

# ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀ CÔNG TÁC XÉT TUYỂN

## 1. Đăng kí dự thi (ĐKDT)

### 1.1. Hồ sơ đăng ký dự thi

Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

- Một túi đựng hồ sơ, phiếu số 1, phiếu số 2.

Phiếu số 1 do Sở giáo dục và đào tạo (Sở GD&ĐT) lưu giữ. Phiếu số 2 do thí sinh giữ và được sử dụng trong các trường hợp cần thiết.

- 3 ảnh chân dung cỡ 4×6cm được chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKDT; 3 phong bì đã dán sẵn tem ghi rõ họ, tên và địa chỉ, số điện thoại của thí sinh.
- Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Riêng thí sinh có nguyện vọng học tại các trường đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ) không tổ chức thi tuyển sinh hoặc hệ CĐ của trường ĐH, trường CĐ thuộc các đại học (sau đây gọi chung là trường) thì cần nộp thêm bản photocopy mặt trước của tờ phiếu số 1.

### 1.2. Nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký dự thi

Học sinh đang học lớp 12 trung học phổ thông (THPT) tại trường nào thì nộp hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT tại trường đó.

Các đối tượng khác nộp hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT tại các địa điểm do Sở GD&ĐT quy định. Các địa điểm này không thu hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT của học sinh đang học lớp 12.

Thời hạn thu nhận hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT quy định thống nhất trên phạm vi toàn quốc như sau:

- Theo hệ thống của Sở GD&ĐT : Từ ngày 11/3 đến ngày 11/4/2014;
- Tại các trường tổ chức thi : Từ ngày 12/4 đến ngày 19/4/2014.

Các Sở GD&ĐT, các trường không thay đổi thời hạn, không kết thúc việc nhận hồ sơ ĐKDT, lệ phí ĐKDT trước hoặc sau thời hạn quy định.

## **2. Công tác xét tuyển**

### **2.1. Xét tuyển nguyện vọng 1**

- Các trường thành viên, khoa trực thuộc ĐHQG-HCM công bố điểm thi trước 31/7/2014.
- Xét tuyển và công bố điểm trúng tuyển nguyện vọng 1 từ 15/8 - 25/8/2014.

### **2.2. Xét tuyển các nguyện vọng bổ sung (nếu có)**

- Thời gian xét tuyển nguyện vọng bổ sung: 20/8/2014 - 31/10/2014.
- Thí sinh phải nộp bản chính (bản gốc) giấy chứng nhận kết quả thi.
- Thời gian thí sinh rút phiếu đăng ký xét tuyển và thủ tục do trường quy định.
- Lệ phí xét tuyển do trường quy định.

## DỰ KIẾN ĐỢT THI VÀ LỊCH THI TUYỂN SINH

### 1. Đợt thi và lịch thi tuyển sinh đại học năm 2014

**a) Đợt I:** Ngày 4 - 5/7/2014, thi khối A, A1 và V.

| Ngày          | Buổi            | Môn thi                                                                    |           |        |
|---------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|--------|
|               |                 | Khối A                                                                     | Khối A1   | Khối V |
| Ngày 3/7/2014 | Sáng<br>Từ 8g00 | Làm thủ tục dự thi, xử lý những sai sót trong đăng ký dự thi của thí sinh. |           |        |
| Ngày 4/7/2014 | Sáng            | Toán                                                                       | Toán      | Toán   |
|               | Chiều           | Lý                                                                         | Lý        | Lý     |
| Ngày 5/7/2014 | Sáng            | Hóa                                                                        | Tiếng Anh | (*)    |
|               | Chiều           | Dự trữ                                                                     |           |        |

(\*) Thí sinh thi khối V: thi môn Toán, Lý theo đề thi khối A, môn năng khiếu “Vẽ đầu tượng” sẽ thi riêng, lịch thi do trường ĐH Bách khoa quy định trên giấy báo thi.

**b) Đợt II:** ngày 9 - 10/7/2014, thi khối B, C, D

| Ngày              | Buổi            | Môn thi                                                                    |         |           |
|-------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|
|                   |                 | Khối B                                                                     | Khối C  | Khối D    |
| Ngày<br>8/7/2014  | Sáng<br>Từ 8g00 | Làm thủ tục dự thi, xử lý những sai sót trong đăng ký dự thi của thí sinh. |         |           |
| Ngày<br>9/7/2014  | Sáng            | Toán                                                                       | Địa     | Toán      |
|                   | Chiều           | Sinh                                                                       | Sử      | Ngoại ngữ |
| Ngày<br>10/7/2014 | Sáng            | Hoá                                                                        | Ngữ văn | Ngữ văn   |
|                   | Chiều           | Dự trữ                                                                     |         |           |

### 2. Thời gian làm bài của mỗi môn thi tuyển sinh

- Các môn thi tự luận: 180 phút.
- Các môn thi theo phương pháp trắc nghiệm: 90 phút.

**THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐH, CĐ NĂM 2014 CỦA  
CÁC TRƯỜNG THÀNH VIÊN, KHOA TRỰC  
THUỘC ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM**



## TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

268 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: (08)38654087; Fax: (08)38637002

Website: <http://www.hcmut.edu.vn>

| Stt | Tên trường.<br>Ngành học.              | Mã ngành       | Khối              | Chỉ tiêu     |
|-----|----------------------------------------|----------------|-------------------|--------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QSB</b>             |                |                   | <b>3.950</b> |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>      |                |                   | <b>3.800</b> |
| 1   | - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp        | <b>D510602</b> | A, A <sub>1</sub> | 80           |
| 2   | - Kiến trúc                            | <b>D580102</b> | V                 | 40           |
| 3   | - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ           | <b>D520503</b> | A, A <sub>1</sub> | 90           |
| 4   | - Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng | <b>D510105</b> | A, A <sub>1</sub> | 80           |
| 5   | - Quản lý công nghiệp                  | <b>D510601</b> | A, A <sub>1</sub> | 160          |
| 6   | - Kỹ thuật vật liệu                    | <b>D520309</b> | A, A <sub>1</sub> | 200          |
| 7   | - Nhóm ngành dệt-may                   |                | A, A <sub>1</sub> | 70           |
|     | + Kỹ thuật dệt                         | <b>D540201</b> |                   |              |
|     | + Công nghệ may                        | <b>D540204</b> |                   |              |
| 8   | - Nhóm ngành cơ khí-cơ điện tử         |                | A, A <sub>1</sub> | 500          |
|     | + Kỹ thuật cơ - điện tử                | <b>D520114</b> |                   |              |
|     | + Kỹ thuật cơ khí                      | <b>D520103</b> |                   |              |
|     | + Kỹ thuật nhiệt                       | <b>D520115</b> |                   |              |



| Stt | Tên trường.<br>Ngành học.                    | Mã ngành | Khối              | Chỉ tiêu |
|-----|----------------------------------------------|----------|-------------------|----------|
| 9   | - Nhóm ngành kỹ thuật địa chất-dầu khí       |          | A, A <sub>1</sub> | 150      |
|     | + Kỹ thuật địa chất                          | D520501  |                   |          |
|     | + Kỹ thuật dầu khí                           | D520604  |                   |          |
| 10  | - Nhóm ngành điện-điện tử                    |          | A, A <sub>1</sub> | 660      |
|     | + Kỹ thuật điện tử, truyền thông             | D520207  |                   |          |
|     | + Kỹ thuật điện, điện tử                     | D520201  |                   |          |
|     | + Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá         | D520216  |                   |          |
| 11  | - Nhóm ngành kỹ thuật giao thông             |          | A, A <sub>1</sub> | 180      |
|     | + Kỹ thuật hàng không                        | D520120  |                   |          |
|     | + Công nghệ kỹ thuật ô tô                    | D510205  |                   |          |
|     | + Kỹ thuật tàu thủy                          | D520122  |                   |          |
| 12  | - Nhóm ngành hóa-thực phẩm-sinh học          |          | A                 | 430      |
|     | + Công nghệ sinh học                         | D420201  |                   |          |
|     | + Kỹ thuật hoá học                           | D520301  |                   |          |
|     | + Công nghệ thực phẩm                        | D540101  |                   |          |
| 13  | - Nhóm ngành môi trường                      |          | A, A <sub>1</sub> | 160      |
|     | + Kỹ thuật môi trường                        | D520320  |                   |          |
|     | + Quản lý tài nguyên và môi trường           | D850101  |                   |          |
| 14  | - Nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin |          | A, A <sub>1</sub> | 330      |
|     | + Khoa học máy tính                          | D480101  |                   |          |
|     | + Kỹ thuật máy tính                          | D520214  |                   |          |

| Stt                         | Tên trường.<br>Ngành học.                 | Mã ngành | Khối              | Chỉ tiêu |
|-----------------------------|-------------------------------------------|----------|-------------------|----------|
|                             | - Nhóm ngành vật lý kỹ thuật-cơ kỹ thuật  |          | A, A <sub>1</sub> | 150      |
|                             | + Vật lý kỹ thuật                         | D520401  |                   |          |
|                             | + Cơ kỹ thuật                             | D520101  |                   |          |
| 15                          | - Nhóm ngành Xây dựng                     |          | A, A <sub>1</sub> | 520      |
|                             | + Kỹ thuật công trình xây dựng            | D580201  |                   |          |
|                             | + Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | D580205  |                   |          |
|                             | + Kỹ thuật công trình biển                | D580203  |                   |          |
|                             | + Kỹ thuật cơ sở hạ tầng                  | D580211  |                   |          |
|                             | + Kỹ thuật công trình thủy                | D580202  |                   |          |
| Các ngành đào tạo cao đẳng: |                                           |          |                   | 150      |
|                             | - Bảo dưỡng công nghiệp                   | C510505  | A, A <sub>1</sub> | 150      |

## I. Thông tin tuyển sinh 2014 của trường Đại học Bách khoa (ĐHBK):

### 1. Tuyển sinh theo nhóm ngành/ngành:

- Thí sinh đăng ký ngành dự thi (NV1) trong hồ sơ dự thi.
- Trường ĐHBK tuyển theo các nhóm ngành/ngành.
- Sinh viên được phân ngành/chuyên ngành sau 2 hoặc 3 học kỳ căn cứ theo kết quả học tập tại trường.

### 2. Khối thi và điểm chuẩn:

- Đa số các nhóm ngành/ngành tuyển sinh theo hai khối A và A<sub>1</sub>, một số ngành chỉ tuyển khối A, riêng ngành Kiến trúc tuyển khối V.
- Các nhóm ngành/ngành tuyển hai khối A và A<sub>1</sub> sẽ có chung một điểm chuẩn xét tuyển.
- Điểm chuẩn khối V tính hệ số 2 cho môn Toán và hệ số 1 cho các môn Lý và Năng khiếu (vẽ đầu tượng). Điều kiện tiên quyết là môn năng khiếu phải

có điểm thi  $\geq 5$ . Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng đăng ký vào ngành Kiến trúc phải thi môn năng khiếu.

### **3. Nguyên vọng chuyển ngành:**

- Thí sinh được đăng ký thêm một nguyên vọng chuyển ngành (vào các ngành đại học dự kiến còn chỉ tiêu sau NV1) và một nguyên vọng vào ngành cao đẳng Bảo dưỡng công nghiệp vào ngày 3/7/2014 tại phòng thi. Danh mục các nhóm ngành/ngành được đăng ký được in trên mặt sau giấy báo dự thi.

- Các thí sinh không trúng tuyển NV1 sẽ được xét tuyển nguyên vọng chuyển ngành.

- Điểm chuẩn NV1 và điểm chuẩn nguyên vọng chuyển ngành sẽ được công bố cùng lúc với kết quả điểm tuyển sinh.

- Thí sinh chưa trúng tuyển có thể theo dõi thông tin từ các trường khác trong Đại học Quốc gia Tp.HCM để tham gia xét tuyển (nếu có cùng khối thi).

## **II. Tuyển sinh đào tạo không chính quy:**

- Đào tạo từ xa qua mạng bậc đại học ngành Công nghệ thông tin.

- Đào tạo hình thức Vừa làm vừa học (tại chức cũ).

- Tổ chức tuyển sinh hai đợt vào tháng 3-4 và 10-11 hàng năm.

- Thí sinh đạt điểm sàn TS2014 theo quy định của Bộ GDĐT được tham gia xét tuyển vào học theo các hình thức đào tạo này.

## **III. Thông tin tuyển sinh các chương trình đặc biệt:**

### **1. Chương trình Kỹ sư tài năng**

Chương trình KSTN là CT dành cho các SV khá, giỏi một số ngành thuộc 5 khoa: Máy tính, Điện - Điện tử, KT Hóa học, Cơ khí và Xây dựng. SV giỏi được cấp học bổng.

**Tuyển sinh:** xét tuyển các SV theo điểm trung bình tích lũy sau học kỳ thứ 2 hoặc 3

**Thời gian xét tuyển:** sau học kỳ thứ 2 hoặc 3

**Chỉ tiêu:** 30 sinh viên/ngành

**Địa điểm học:** Cơ sở 1, 268 Lý Thường Kiệt, Q.10, Tp.HCM, được ưu đãi về cơ sở vật chất

**Học phí:** tương tự CT chính quy đại trà

**Chương trình đào tạo:** CT chính quy đại trà + các môn cốt lõi dành riêng cho SV KSTN

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được ĐHBK cấp **bằng Kỹ sư CT Tài năng**

**Liên hệ:** Phòng Đào tạo hoặc các Văn phòng Khoa

## **2. Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV):**

Chương trình PFIEV được Ủy Ban bằng kỹ sư Pháp (CTI) công nhận và cơ quan kiểm định đào tạo kỹ sư Châu Âu (ENAAE) công nhận thương hiệu Châu Âu EUR-ACE Master programme. CT PFIEV tại trường ĐH Bách khoa TP HCM đào tạo 7 chuyên ngành với các trường đối tác là các Trường đào tạo kỹ sư hàng đầu của Pháp (Viễn thông, Hệ thống năng lượng, Cơ điện tử, Hàng không, Vật liệu tiên tiến, Polyme & Composit, Công trình dân dụng & Năng lượng).

**Tuyển sinh:** xét tuyển các thí sinh đã trúng tuyển vào trường ĐHBK (tất cả các ngành) theo tổng điểm (Toán x 3, Lý x 2, Hóa/Anh văn x 1, không yêu cầu đã biết tiếng Pháp. SV phải thi phân ngành sau 2 năm học.

**Thời gian xét tuyển:** từ ngày công bố điểm tuyển sinh đến ngày làm thủ tục nhập học.

**Chỉ tiêu:** 160 sinh viên.

**Địa điểm học:** Cơ sở 1, 268 Lý Thường Kiệt, Q.10, Tp.HCM, được ưu đãi về cơ sở vật chất.

**Học phí:** tương đương CT chính quy đại trà.

**Chương trình đào tạo:** CT 5 năm dành riêng cho PFIEV (khác CT chính quy đại trà).

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được ĐHBK cấp **bằng Kỹ sư CT chất lượng cao Việt Pháp**, riêng các SV bảo vệ luận văn bằng tiếng Anh/Pháp được cấp thêm phụ lục bằng ký bởi trường ĐHBK và trường Pháp.

**Liên hệ:** Văn phòng PFIEV - ĐHBK, ĐT: (08) 38 639 668, Email [pfiev@hcmut.edu.vn](mailto:pfiev@hcmut.edu.vn)

**Web:** [www.pfiev.hcmut.edu.vn](http://www.pfiev.hcmut.edu.vn)

## **3. Chương trình AUF (Tổ chức hợp tác Đại học khối Pháp ngữ)**

CT AUF đào tạo 2 ngành Điện-Điện tử và Xây dựng. Sinh viên được học tiếng Pháp và một số môn học được giảng dạy bằng tiếng Pháp. SV có cơ hội nhận các học bổng Sau đại học của AUF và của Đại sứ quán Pháp.

**Tuyển sinh:** xét tuyển các thí sinh đã trúng tuyển ngành Điện-Điện tử, Xây dựng trường ĐHBK, không yêu cầu đã biết tiếng Pháp.

**Thời gian xét tuyển:** nộp hồ sơ vào ngày làm thủ tục nhập học

**Chỉ tiêu:** 40 sinh viên

**Địa điểm học:** Cơ sở 1, 268 Lý Thường Kiệt, Q.10, Tp.HCM, được ưu đãi về cơ sở vật chất

**Học phí:** tương tự CT chính quy đại trà

**Chương trình đào tạo:** CT chính quy đại trà + tăng cường tiếng Pháp, một số môn được giảng dạy bằng tiếng Pháp.

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được ĐHBK cấp bằng

**Liên hệ:** Phòng Đào tạo hoặc các Văn phòng Khoa

**Web:** [www.aao.hcmut.edu.vn/quocte/auf/index.html](http://www.aao.hcmut.edu.vn/quocte/auf/index.html)

#### **4. Chương trình Liên kết Quốc tế và chương trình Tiên tiến**

(a) **Các chương trình Liên kết Quốc tế:** bao gồm ngành Điện-Điện Tử, Công nghệ Thông tin, Xây Dựng, Quản Trị Kinh Doanh, Dầu khí, Công Nghệ Hóa, Hóa Dược, học 2 năm tại ĐHBK (toàn bộ bằng tiếng Anh) và chuyển tiếp học 2 năm tại trường nước ngoài. Tất cả các chương trình được ĐH Quốc gia TP HCM chứng nhận.

**Tuyển sinh:** xét tuyển các thí sinh đạt từ điểm sàn của Bộ (tùy theo khối, ngành) và đủ điều kiện tiếng Anh.

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được trường đối tác nước ngoài cấp bằng

(b) **Chương trình Tiên tiến ngành Điện-Điện tử:** học 4 năm tại ĐHBK (toàn bộ bằng tiếng Anh) theo CT của University of Illinois at Urbana-Champaign (Hoa Kỳ).

**Tuyển sinh:** xét tuyển các thí sinh đã trúng tuyển đại học chính quy khối A, A1 và đủ điều kiện tiếng Anh.

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được trường ĐHBK cấp **bằng Kỹ sư CT tiên tiến**

(c) **Chương trình liên thông với Đại học Nagaoka (Nhật) ngành Điện-Điện tử:** học tại ĐHBK 2,5 năm theo CT chính quy đại trà, có tăng cường tiếng Nhật và chuyển tiếp học 2 năm tại Nagaoka University of Technology.

**Tuyển sinh:** xét tuyển các thí sinh đã thi đậu ngành Điện-Điện tử trường

ĐHBK và thi chuyển tiếp sau 2,5 năm.

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được trường Nagaoka cấp bằng.

(d) **Chương trình liên thông với Đại học Kanazawa (Nhật) ngành Xây dựng:** học tại ĐHBK 2,5 năm theo CT chính quy đại trà, có tăng cường tiếng Nhật và chuyển tiếp học 2 năm tại Kanazawa University.

**Tuyển sinh:** xét tuyển các thí sinh đã thi đậu ngành Xây dựng trường ĐHBK và thi chuyển tiếp sau 2,5 năm.

**Bằng cấp:** SV tốt nghiệp được trường Kanazawa cấp bằng.

**Thông tin chung về các CT liên kết quốc tế và CT tiên tiến**

**Thời gian xét tuyển:** trước ngày 16/8/2014

**Địa điểm học:** Cơ sở 1, 268 Lý Thường Kiệt, Q.10, Tp.HCM, được ưu đãi về cơ sở vật chất

**Liên hệ:** Văn phòng Đào tạo Quốc tế - ĐHBK, ĐT: (08) 38 654 183; 016 9798 9798, Email oisp@hcmut.edu.vn, website: www.oisp.hcmut.edu.vn.



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08)38354394 – (08)38304380

Website: <http://www.hcmus.edu.vn>

| Stt | Tên trường/Ngành học                                                                                                       | Mã ngành       | Khối              | Chỉ tiêu     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|--------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QST</b>                                                                                                 |                |                   | <b>3.400</b> |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                          |                |                   | <b>2.800</b> |
| 1   | - Toán học                                                                                                                 | <b>D460101</b> | A, A <sub>1</sub> | 300          |
| 2   | - Vật lý học                                                                                                               | <b>D440102</b> | A, A <sub>1</sub> | 200          |
| 3   | - Kỹ thuật hạt nhân                                                                                                        | <b>D520402</b> | A                 | 50           |
| 4   | - Hải dương học                                                                                                            | <b>D440228</b> | A, B              | 80           |
| 5   | - Kỹ thuật điện tử, truyền thông                                                                                           | <b>D520207</b> | A, A <sub>1</sub> | 200          |
| 6   | - Nhóm ngành Công nghệ thông tin (Truyền thông và mạng máy tính, Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin) | <b>D480201</b> | A, A <sub>1</sub> | 550          |
| 7   | - Hóa học                                                                                                                  | <b>D440112</b> | A, B              | 275          |
| 8   | - Địa chất                                                                                                                 | <b>D440201</b> | A, B              | 150          |
| 9   | - Khoa học môi trường                                                                                                      | <b>D440301</b> | A, B              | 175          |
| 10  | - Công nghệ kỹ thuật môi trường                                                                                            | <b>D510406</b> | A, B              | 120          |
| 11  | - Khoa học vật liệu                                                                                                        | <b>D430122</b> | A, B              | 200          |
| 12  | - Sinh học                                                                                                                 | <b>D420101</b> | B                 | 300          |
| 13  | - Công nghệ sinh học                                                                                                       | <b>D420201</b> | A, B              | 200          |
|     | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                         |                |                   | <b>600</b>   |
| 14  | Công nghệ thông tin                                                                                                        | <b>C480201</b> | A, A <sub>1</sub> | 600          |

Tuyển sinh khối thi A1 cho nhóm ngành Công nghệ Thông tin, ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông, ngành Toán học và ngành Vật lý học.

**1. Nhóm ngành Công nghệ Thông tin (CNTT):** Tuyển cùng một điểm chuẩn. Sau 3 học kỳ đầu tiên, sinh viên sẽ chọn một trong các ngành thuộc nhóm ngành CNTT.

**2. Chương trình tiên tiến:** tuyển 50 sinh viên vào chương trình tiên tiến ngành CNTT theo chương trình của trường Đại học Portland, bang Oregon, Hoa kỳ. Giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Điều kiện xét tuyển:

+ Thí sinh tuyển thẳng hoặc trúng tuyển nguyện vọng 1 các ngành thuộc khối thi A hoặc A1 và có tổng điểm thi  $\geq$  điểm chuẩn của nhóm ngành CNTT của trường ĐH KHTN.

+ Thí sinh có chứng chỉ điểm TOEFL iBT  $> 45$  hoặc IELTS  $> 5,0$  không dự kiểm tra tiếng Anh. Thí sinh khác dự kiểm tra tiếng Anh do trường tổ chức, đạt được TOEFL PBT  $\geq 400$  được đưa vào diện xét tuyển.

- Học phí: trọn khóa khoảng 126.000.000 VNĐ (6.000 USD).

- Website: <http://www.apcs.hcmus.edu.vn>

**3. Chương trình đào tạo CNTT bằng tiếng Pháp:** tuyển 50 SV hệ chính quy. Sinh viên theo học chương trình này có cơ hội nhận hai bằng Cử nhân do Đại học Claude Bernard Lyon 1 (Pháp) và ĐH KHTN cấp.

Website: <http://www.fit.hcmus.edu.vn/PFInfo/>

**4. Chương trình đào tạo từ xa qua mạng tuyển sinh:**

- Đối tượng: thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Website: <http://www.e-learning.vn>

**5. Chương trình liên kết nước ngoài:** tuyển sinh 2 ngành:

- Công nghệ thông tin (hợp tác với ĐH AUT, New Zealand).

- Kinh doanh quốc tế (hợp tác với ĐH Keuka, Mỹ).

**Đối tượng xét tuyển:** tốt nghiệp THPT

**Hình thức đào tạo:** toàn thời gian tại Việt Nam.

**Bằng cấp:** Cử nhân đại học do trường đối tác cấp.

Thông tin liên hệ: Trung tâm Đào tạo Quốc tế - ITEC,

Tel: (08)38303625; Website: [www.itec.hcmus.edu.vn](http://www.itec.hcmus.edu.vn).

**6. Chương trình Chất lượng cao với học phí tương ứng:** tuyển sinh vào ngành Công nghệ thông tin.

**7. Chương trình tài năng:** tuyển sinh các chương trình CNTT, Hóa học, Vật lý - Kỹ thuật, Toán - Tin học.





## TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

KM 20, xa lộ Hà Nội, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: (08)37252002;

Website: <http://www.uit.edu.vn>

Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT), ĐHQG-HCM là trường đại học công lập chuyên ngành CNTT được thành lập theo Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin. Trường khai giảng năm học đầu tiên vào tháng 10/2006.

Trường ĐH CNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học, cung cấp nguồn nhân lực, đội ngũ chuyên gia trình độ cao trong lĩnh vực Công nghệ thông tin và Truyền thông (CNTT&TT), có năng lực phát triển tự thân ngành CNTT&TT và năng lực triển khai ứng dụng CNTT&TT trong các ngành công nghệ cao, quản lý, kinh tế - tài chính, có năng lực sáng tạo, làm việc trong môi trường quốc tế. Trường ĐH CNTT thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ CNTT&TT và các công nghệ liên quan, triển khai các ứng dụng CNTT&TT trong các lĩnh vực công nghệ cao, quản lý kinh tế, tài chính theo nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển của khu vực Đông Nam Á và thế giới.

Trường ĐH CNTT hướng đến trở thành một trường đại học trọng điểm về CNTT&TT của Việt Nam về nghiên cứu và ứng dụng CNTT của cả nước và khu vực Đông Nam Á.

Trường ĐH CNTT đang được sử dụng khuôn viên đất hơn 10 hecta trong khu đô thị ĐHQG-HCM tại Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh, diện tích sàn xây dựng là 93.750 m<sup>2</sup>, kinh phí là 412 tỉ VNĐ (đổi diện khu du lịch Suối Tiên).

| Stt | Tên trường/Ngành học              | Mã ngành       | Khối              | Chỉ tiêu   |
|-----|-----------------------------------|----------------|-------------------|------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QSC</b>        |                |                   | <b>800</b> |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b> |                |                   |            |
| 1   | - Khoa học Máy tính               | <b>D480101</b> | A, A <sub>1</sub> | 120        |
| 2   | - Truyền thông và Mạng máy tính   | <b>D480102</b> | A, A <sub>1</sub> | 140        |
| 3   | - Kỹ thuật Phần mềm               | <b>D480103</b> | A, A <sub>1</sub> | 140        |
| 4   | - Hệ thống Thông tin              | <b>D480104</b> | A, A <sub>1</sub> | 130        |
| 5   | - Kỹ thuật Máy tính               | <b>D520214</b> | A, A <sub>1</sub> | 130        |
| 6   | - Công nghệ Thông tin             | <b>D480201</b> | A, A <sub>1</sub> | 80         |
| 7   | - An toàn Thông tin               | <b>D480299</b> | A, A <sub>1</sub> | 60         |

1. Áp dụng nhân hệ số 2 môn Toán trong xét tuyển (Toán: hệ số 2, Lý: hệ số 1, Hóa hoặc Anh văn: hệ số 1).
2. Chương trình tiên tiến: ngành Hệ thống Thông tin theo quy trình và chương trình của Đại học Oklahoma State University, Hoa Kỳ. Điều kiện dự xét tuyển: trúng tuyển vào các ngành khối A, A<sub>1</sub> trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2014; có điểm TOEFL  $\geq 450$  hoặc tương đương; thí sinh chưa có chứng chỉ tiếng Anh có thể tham dự kỳ kiểm tra tiếng Anh đầu vào do Trường tổ chức.
3. Chương trình tài năng: ngành Khoa học Máy tính và chuyên ngành An toàn Thông tin. Điều kiện dự xét tuyển: trúng tuyển vào các ngành khối A, A<sub>1</sub> trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2014 với điểm số cao, ưu tiên thí sinh có giải quốc gia, quốc tế về Tin học.
4. Chương trình chất lượng cao với học phí tương ứng: ngành Kỹ thuật Phần mềm, Kỹ thuật Máy tính và Hệ thống Thông tin. Điều kiện dự xét tuyển: trúng tuyển vào các ngành khối A, A<sub>1</sub> trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy năm 2014.



## TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Khu phố 3, P. Linh Xuân, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08)37244555 ( Ext: 6311) –37244551; Fax: (08)37244501

Website : [www.uel.edu.vn](http://www.uel.edu.vn)

Là trường thành viên của ĐHQG-HCM được thành lập từ năm 2000, trường Đại học Kinh tế - Luật có môi trường học thuật năng động và sáng tạo. Tên viết tắt tiếng Anh của trường là UEL (University of Economics and Law).

Nằm trong khu đô thị Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Trường có được mọi điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất để giảng dạy, nghiên cứu và học tập.

| Stt | Tên trường/Ngành học                                      | Mã ngành       | Khối                               | Chỉ tiêu     |
|-----|-----------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------|--------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QSK</b>                                |                |                                    | <b>1.300</b> |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                         |                |                                    |              |
| 1   | - Kinh tế (Kinh tế học, Kinh tế và quản lý công)          | <b>D310101</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 140          |
| 2   | - Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại)                     | <b>D310106</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 130          |
| 3   | - Tài chính – Ngân hàng                                   | <b>D340201</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 130          |
| 4   | - Kế Toán                                                 | <b>D340301</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 70           |
| 5   | - Kiểm toán                                               | <b>D340302</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 100          |
| 6   | - Hệ thống thông tin quản lý                              | <b>D340405</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 70           |
| 7   | - Quản trị kinh doanh                                     | <b>D340101</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 130          |
| 8   | - Kinh doanh quốc tế                                      | <b>D340120</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 80           |
| 9   | - Luật kinh tế (Luật kinh doanh, Luật thương mại quốc tế) | <b>D380107</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 190          |
| 10  | - Luật (Luật dân sự, Luật tài chính - Ngân hàng)          | <b>D380101</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 140          |
| 11  | - Thương mại điện tử (dự kiến)                            | <b>D340122</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 60           |
| 12  | - Marketing (dự kiến)                                     | <b>D340115</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> | 60           |

1. **Tuyển sinh khối thi A1** cho các nhóm ngành/ngành tuyển sinh khối A.
2. Áp dụng nhân hệ số 2 cho môn Toán cả 3 khối thi A, A1, D1.
3. Khi làm hồ sơ đăng ký dự thi thí sinh cần ghi rõ tên một chương trình cụ thể của các ngành:
  - + Với mã ngành Kinh tế **D310101**: chọn ghi phần tên “Kinh tế học” hoặc “Kinh tế và quản lý công”.
  - + Với mã ngành Luật kinh tế **D380107**: chọn ghi phần tên “Luật thương mại quốc tế” hoặc “Luật Kinh doanh”.
  - + Với mã ngành Luật **D380101**: chọn ghi phần tên “Luật tài chính – Ngân hàng” hoặc “Luật dân sự”.
4. **Chương trình Chất lượng cao với học phí tương ứng**: tuyển sinh vào các chương trình giáo dục Tài chính – Ngân hàng, Kiểm toán, Kinh tế đối ngoại, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh (dự kiến), Luật thương mại quốc tế (dự kiến).
5. **Chương trình tài năng**: tuyển sinh các chương trình giáo dục Kinh tế học, Luật tài chính – Ngân hàng đối với các sinh viên hoàn thành năm thứ 1 của chương trình đào tạo và đáp ứng các điều kiện cụ thể của đề án.



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

12 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08)38221909 (Ext: 112); Fax: (08)38221903  
Website: [www.hcmussh.edu.vn](http://www.hcmussh.edu.vn)

| Stt | Tên trường/Ngành học                  | Mã ngành       | Khối                                     | Chỉ tiêu     |
|-----|---------------------------------------|----------------|------------------------------------------|--------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QSX</b>            |                |                                          | <b>2.850</b> |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>     |                |                                          |              |
| 1   | - Văn học                             | <b>D220330</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 100          |
| 2   | - Ngôn ngữ học                        | <b>D220320</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 100          |
| 3   | - Báo chí                             | <b>D320101</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 130          |
| 4   | - Lịch sử                             | <b>D220310</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 140          |
| 5   | - Nhân học                            | <b>D310302</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 60           |
| 6   | - Triết học                           | <b>D220301</b> | A, A <sub>1</sub> , C, D <sub>1</sub>    | 100          |
| 7   | - Địa lý học                          | <b>D310501</b> | A, A <sub>1</sub> , B, C, D <sub>1</sub> | 130          |
| 8   | - Xã hội học                          | <b>D310301</b> | A, A <sub>1</sub> , C, D <sub>1</sub>    | 160          |
| 9   | - Thông tin học                       | <b>D320201</b> | A, A <sub>1</sub> , C, D <sub>1</sub>    | 100          |
| 10  | - Đông phương học                     | <b>D220213</b> | D <sub>1</sub>                           | 140          |
| 11  | - Giáo dục học                        | <b>D140101</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 120          |
| 12  | - Lưu trữ học                         | <b>D320303</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 80           |
| 13  | - Văn hóa học                         | <b>D220340</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 70           |
| 14  | - Công tác xã hội                     | <b>D760101</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 80           |
| 15  | - Tâm lý học                          | <b>D310401</b> | B, C, D <sub>1</sub>                     | 90           |
| 16  | - Quy hoạch vùng & đô thị             | <b>D580105</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>       | 80           |
| 17  | - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | <b>D340103</b> | C, D <sub>1</sub>                        | 100          |
| 18  | - Nhật Bản học                        | <b>D220216</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>6</sub>          | 100          |

| Stt | Tên trường/Ngành học   | Mã ngành       | Khối                                             | Chỉ tiêu |
|-----|------------------------|----------------|--------------------------------------------------|----------|
| 19  | - Hàn Quốc học         | <b>D220217</b> | D <sub>1</sub>                                   | 100      |
| 20  | - Ngôn ngữ Anh         | <b>D220201</b> | D <sub>1</sub>                                   | 270      |
| 21  | - Ngôn ngữ Nga         | <b>D220202</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>2</sub>                  | 70       |
| 22  | - Ngôn ngữ Pháp        | <b>D220203</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>3</sub>                  | 90       |
| 23  | - Ngôn ngữ Trung Quốc  | <b>D220204</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>4</sub>                  | 130      |
| 24  | - Ngôn ngữ Đức         | <b>D220205</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>5</sub>                  | 50       |
| 25  | - Quan hệ Quốc tế      | <b>D310206</b> | D <sub>1</sub>                                   | 160      |
| 26  | - Ngôn ngữ Tây Ban Nha | <b>D220206</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>3</sub> , D <sub>5</sub> | 50       |
| 27  | - Ngôn ngữ Italia      | <b>D220208</b> | D <sub>1</sub> , D <sub>3</sub> , D <sub>5</sub> | 50       |

- Tuyển sinh khối thi A1 vào các ngành có tuyển sinh khối A (cụ thể là các ngành Triết học, Địa lý học, Xã hội học, Thông tin học và Quy hoạch vùng và đô thị).
- Áp dụng nhân hệ số 2 điểm các môn thi ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Đức) vào các ngành Ngoại ngữ (cụ thể là các ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Đức, Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Ngôn ngữ Italia); môn Văn vào ngành Văn học và Ngôn ngữ học; Môn Sử vào ngành Lịch sử; Môn Địa vào ngành Địa lý học.
- **Chương trình Chất lượng cao với học phí tương ứng:** tuyển sinh vào ngành Báo chí-Truyền thông và ngành Quan hệ Quốc tế.
- **Chương trình tài năng:** tuyển sinh các chương trình Văn học và Ngôn ngữ, Lịch sử.



## TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Khu phố 6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: (08)37244270 (Ext: 3228); Fax: (08) 37244271

Website: <http://www.hcmiu.edu.vn/>

Được thành lập năm 2003, Trường Đại học Quốc tế là trường đại học công lập đầu tiên của Việt Nam áp dụng ngôn ngữ tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức cho toàn bộ hoạt động giảng dạy và nghiên cứu tại trường ngay khi vừa thành lập.

Là trường đại học công lập và là thành viên của Đại học Quốc gia TP.HCM; được Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu tại Campus ở Thủ Đức Dĩ An, từ 4 triệu USD ban đầu cho phòng thí nghiệm, nhà trường đã tích cực đầu tư, đến nay đã có hơn 26 phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Năm 2013 nhà trường đầu tư 114 tỷ từ nguồn vốn vay kích cầu của thành phố để xây dựng thêm 1 khối nhà học và phòng thí nghiệm.

Trường đã xây dựng thành công cơ chế tự chủ tài chính năm 2007 để thu hút giảng viên hàng đầu từ nhiều trường trong cả nước và các nước có nền giáo dục tiên tiến.

Hiện tại số lượng sinh viên đang theo học tại trường khoảng hơn 5.000 sinh viên. Ngoài số lượng sinh viên mang quốc tịch Việt Nam có 30 sinh viên quốc tế theo học tại trường cũng như các sinh viên quốc tế trong chương trình hợp tác trao đổi văn hóa với tổ chức CIEE. Nhà trường đã dành ngân sách đáng kể để cấp học bổng cho sinh viên, trung bình hàng năm khoảng 8.2 tỷ đồng.

Đến năm 2013, nhà trường đã có 13 ngành học ở trình độ đại học, 6 chương trình đào tạo thạc sĩ và 1 chương trình tiến sĩ. Trong đó có 4 chương trình đã đạt chuẩn kiểm định AUN gồm Quản trị Kinh doanh, Công nghệ sinh học, Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông.

Đào tạo theo cơ chế tín chỉ sinh viên có nhiều lựa chọn khi đến với trường ĐHQT ĐHQG-HCM, các em có thể học 4 năm tại Việt Nam, cũng có thể du học 2 năm sau tại các trường danh tiếng trên thế giới tại Mỹ, Anh,

Úc, New Zealand, Thái Lan mà nhà trường có chương trình liên kết đào tạo như: Đại học Rutgers New Jersey, Đại học Binghamton New York, Đại học Houston Texas, Đại học Illinois at Urbana-Champaign, Đại học New South Wales – Úc, Đại học Nottingham - Anh, Đại học West of England - Anh, Đại học Công nghệ Auckland - New Zealand, Đại học Auckland – New Zealand, Học viện Công nghệ Á Châu (AIT) – Thái Lan. Trường ĐHQT còn là địa chỉ hấp dẫn cho sinh viên nước ngoài học tại Việt Nam. Được thiết kế theo chương trình đào tạo tiên tiến nhất thế giới hiện nay, sinh viên trường ĐHQT ĐHQG-HCM ngoài tiếp cận với những học thuật mới còn có khả năng sử dụng kỹ năng mềm và điều kiện nâng cao ngoại ngữ bởi các chương trình liên kết với các tổ chức đào tạo uy tín. Con số thống kê gần nhất cho thấy 100% sinh viên có việc làm ngay khi tốt nghiệp tại nhiều công ty đa quốc gia với mức lương cao, ổn định.

**\* Bằng cấp: Có hai loại bằng cấp**

- Do trường ĐHQT cấp cho sinh viên thuộc chương trình học 04 năm tại trường ĐHQT sau khi hoàn tất chương trình.
- Do trường đại học đối tác cấp cho sinh viên thuộc chương trình liên kết học 2 năm tại Việt Nam và 2 năm ở Trường đối tác tại nước ngoài.

**Hướng dẫn ghi thông tin trên hồ sơ đăng ký dự thi:**

- Các ngành do trường ĐHQT cấp bằng: thí sinh ghi thông tin trên hồ sơ đăng ký dự thi theo mã ngành, tên ngành.
- Đối với các ngành đào tạo liên kết với đại học nước ngoài: thí sinh ghi thông tin trên hồ sơ đăng ký dự thi theo mã ngành, tên ngành, ngoài ra ở mục “**chuyên ngành**” phải ghi rõ thông tin là “**chương trình liên kết + tên trường đại học liên kết**”.

**Ví dụ:**

Tên ngành: **Quản trị Kinh doanh**, Chuyên ngành: **Chương trình liên kết trường ĐH Nottingham**.



| Stt | Tên trường/Ngành học                                                   | Mã ngành       | Khối                                  | Chỉ tiêu     |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|--------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QSQ</b>                                             |                |                                       |              |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học do ĐHQT cấp bằng</b>                      |                |                                       | <b>1.000</b> |
| 1   | - Công nghệ thông tin                                                  | <b>D480201</b> | A, A <sub>1</sub>                     | 70           |
| 2   | - Quản trị kinh doanh                                                  | <b>D340101</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    | 220          |
| 3   | - Công nghệ sinh học                                                   | <b>D420201</b> | A, A <sub>1</sub> , B, D <sub>1</sub> | 130          |
| 4   | - Kỹ thuật điện tử, truyền thông                                       | <b>D520207</b> | A, A <sub>1</sub>                     | 50           |
| 5   | - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp                                        | <b>D510602</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    | 60           |
| 6   | - Kỹ thuật y sinh                                                      | <b>D520212</b> | A, A <sub>1</sub> , B                 | 60           |
| 7   | - Quản lý Nguồn lợi thủy sản                                           | <b>D620305</b> | A, A <sub>1</sub> , B, D <sub>1</sub> | 30           |
| 8   | - Công nghệ thực phẩm                                                  | <b>D540101</b> | A, A <sub>1</sub> , B                 | 70           |
| 9   | - Tài chính - Ngân hàng                                                | <b>D340201</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    | 120          |
| 10  | - Kỹ thuật Xây dựng                                                    | <b>D580208</b> | A, A <sub>1</sub>                     | 50           |
| 11  | - Toán ứng dụng (Kỹ thuật tài chính và Quản trị rủi ro)                | <b>D460112</b> | A, A <sub>1</sub>                     | 30           |
| 12  | - Hóa học (Hóa sinh) (dự kiến)                                         | <b>D440112</b> | A, A <sub>1</sub> , B                 | 30           |
| 13  | - Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa (dự kiến)                          | <b>D520216</b> | A, A <sub>1</sub>                     | 30           |
| 14  | - Logistics & quản lý chuỗi cung ứng (dự kiến)                         | <b>D510605</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    | 50           |
|     | <b>Các ngành đào tạo liên kết với ĐH nước ngoài:</b>                   |                |                                       | <b>1.000</b> |
|     | <b>1. Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Nottingham (UK)</b> |                |                                       |              |
| 1   | Công nghệ thông tin                                                    | <b>D480201</b> | A, A <sub>1</sub>                     |              |
| 2   | Quản trị kinh doanh                                                    | <b>D340101</b> | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    |              |
| 3   | Công nghệ sinh học                                                     | <b>D420201</b> | A, A <sub>1</sub> , B, D <sub>1</sub> |              |

| Stt                                                                                          | Tên trường/Ngành học           | Mã ngành | Khối                                  | Chỉ tiêu |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|---------------------------------------|----------|
| 4                                                                                            | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | D520207  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| <b>2. Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH West England (UK)</b>                     |                                |          |                                       |          |
| 1                                                                                            | Công nghệ thông tin            | D480201  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 2                                                                                            | Quản trị kinh doanh            | D340101  | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    |          |
| 3                                                                                            | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | D520207  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 4                                                                                            | Công nghệ Sinh học             | D420201  | A, A <sub>1</sub> , B, D <sub>1</sub> |          |
| <b>3. Chương trình liên kết cấp bằng của Auckland University of Technology (New Zealand)</b> |                                |          |                                       |          |
| 1                                                                                            | Quản trị kinh doanh            | D340101  | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    |          |
| <b>4. Chương trình liên kết cấp bằng của University of Auckland (New Zealand)</b>            |                                |          |                                       |          |
| 1                                                                                            | Kỹ thuật Máy tính              | D520214  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 2                                                                                            | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | D520207  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 3                                                                                            | Kỹ thuật Phần mềm              | D480103  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| <b>5. Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH New South Wales (Australia)</b>           |                                |          |                                       |          |
| 1                                                                                            | Quản trị kinh doanh            | D340101  | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    |          |
| 2                                                                                            | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | D520207  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 3                                                                                            | Khoa học Máy tính              | D480101  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| <b>6. Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Rutgers, New Jersey:</b>                  |                                |          |                                       |          |
| 1                                                                                            | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | D520207  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 2                                                                                            | Kỹ thuật Máy tính              | D520214  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 3                                                                                            | Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp  | D510602  | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    |          |
| <b>7. Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH SUNY Binghamton (USA)</b>                 |                                |          |                                       |          |
| 1                                                                                            | Kỹ thuật Máy tính              | D520214  | A, A <sub>1</sub>                     |          |
| 2                                                                                            | Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp  | D510602  | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub>    |          |

| Stt                                                                  | Tên trường/Ngành học           | Mã ngành | Khối                               | Chỉ tiêu |
|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------|------------------------------------|----------|
| 3                                                                    | Kỹ thuật điện tử, truyền thông | D520207  | A, A <sub>1</sub>                  |          |
| <b>8. Chương trình liên kết cấp bằng của AIT (Thái Lan)</b>          |                                |          |                                    |          |
| 1                                                                    | Công nghệ thông tin            | D480201  | A, A <sub>1</sub>                  |          |
| 2                                                                    | Kỹ thuật điện, điện tử         | D520201  | A, A <sub>1</sub>                  |          |
| 3                                                                    | Kỹ thuật cơ - điện tử          | D520114  | A, A <sub>1</sub>                  |          |
| <b>9. Chương trình liên kết cấp bằng của trường ĐH Houston (USA)</b> |                                |          |                                    |          |
| 1                                                                    | Quản trị kinh doanh            | D340101  | A, A <sub>1</sub> , D <sub>1</sub> |          |

Tuyển sinh khối thi A1 cho tất cả các ngành có tuyển sinh khối A của trường.

**1. Yêu cầu về ngoại ngữ:** Điểm TOEFL  $\geq 430$  (TOEFL quốc tế) hoặc chứng chỉ tương đương để bắt đầu học một phần chương trình chuyên môn cho đến khi đạt được TOEFL  $\geq 500$  (chứng chỉ TOEFL International) thì học hoàn toàn chương trình chuyên môn. Thí sinh trúng tuyển chưa có chứng chỉ TOEFL hoặc tương đương sẽ dự kì thi kiểm tra tiếng Anh tại trường. Nếu chưa đạt yêu cầu về điểm TOEFL sẽ được học tiếng Anh tăng cường tại trường.

**2. Học phí:** thu học phí theo số tín chỉ đăng kí học tập

- Chương trình do trường Đại học Quốc tế cấp bằng: khoảng 39.000.000 VNĐ/năm.

- Các chương trình liên kết:

+ Học phí 2 năm đầu tại Việt Nam khoảng 54.000.000 VNĐ/năm.

+ Học phí các trường liên kết tại nước ngoài dự kiến: (Xem chi tiết tại website của các trường)

\* Học tại trường ĐH Nottingham: <http://www.nottingham.ac.uk/>

\* Học tại ĐH West England: <http://www.uwe.ac.uk/>

\* Học tại ĐH Auckland University of Technology:

<http://www.aut.ac.nz/>

\* Học tại ĐH New South Wales: <http://www.unsw.edu.au/>

- \* Học tại ĐH Rutgers (USA): <http://www.rutgers.edu/>
- \* Học tại ĐH SUNY Binghamton (USA):  
<http://www.binghamton.edu/>
- \* Học tại Học viện Công nghệ Châu Á (AIT): <http://www.ait.ac.th/>
- \* Học tại ĐH Houston (USA): <http://www.uh.edu/>
- \* Học tại University of Auckland: <http://www.auckland.ac.nz/>

**3. Học bổng:** Trường Đại học Quốc tế sẽ dành khoảng **9 tỉ đồng** năm 2014 (tương đương 450.000 USD) để cấp học bổng cho các thí sinh đăng ký dự thi vào Trường và đạt kết quả cao trong kỳ thi tuyển sinh đại học 2014, bao gồm các mức học bổng như sau:

### **3.1 Học bổng tuyển sinh:**

#### **3.1.1 Đối tượng:**

##### **a/ Sinh viên đăng ký dự thi và trúng tuyển vào Trường:**

- **Học bổng toàn phần:** sinh viên được **miễn 100% học phí** cho toàn khóa học 04 năm đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 156.000.000 VND**); 02 năm học tại Việt Nam đối với các chương trình liên kết (**trị giá 108.000.000 VND**) nếu đạt điều kiện:

+ Sinh viên trúng tuyển vào ngành Quản trị Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng tổng số điểm thi tuyển sinh từ 25.5 điểm trở lên.

+ Sinh viên trúng tuyển vào các ngành thuộc khối ngành Kỹ thuật – Công nghệ (Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp; Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng; Kỹ thuật Y Sinh; Công nghệ Sinh học; Hóa sinh; Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Thông tin; Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro)) tổng số điểm thi tuyển sinh từ 24.5 điểm trở lên.

+ Sinh viên trúng tuyển vào ngành Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông tổng số điểm tuyển sinh từ 24 điểm trở lên.

+ Sinh viên trúng tuyển vào ngành Quản lý Nguồn lợi Thủy sản tổng số điểm tuyển sinh từ 23.5 trở lên.

- **Học bổng bán phần:** sinh viên được **miễn 50% học phí** cho toàn khóa học 04 năm đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 78.000.000 VND**); 02 năm học tại Việt Nam đối với các chương trình liên kết (**trị giá 54.000.000 VND**) nếu đạt điều kiện:

- + Sinh viên trúng tuyển vào ngành Quản trị Kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng tổng số điểm thi tuyển sinh từ 24.5 điểm trở lên.
- + Sinh viên trúng tuyển vào các ngành thuộc khối ngành Kỹ thuật – Công nghệ (Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp; Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng; Kỹ thuật Y Sinh; Công nghệ Sinh học; Hóa sinh; Công nghệ Thực phẩm; Công nghệ Thông tin; Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa; Toán ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro)) tổng số điểm thi tuyển sinh từ 23.5 điểm trở lên.
- + Sinh viên trúng tuyển vào ngành Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông tổng số điểm tuyển sinh từ 23 điểm trở lên.
- + Sinh viên trúng tuyển vào ngành Quản lý Nguồn lợi Thủy sản tổng số điểm tuyển sinh từ 22.5 trở lên.

### **b/ Dành cho học sinh đoạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và quốc tế**

- Đạt giải nhất học sinh giỏi quốc gia: học bổng toàn phần 4 năm học đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 156.000.000 VNĐ**).
- Đạt giải nhì học sinh giỏi quốc gia: học bổng toàn phần năm 1,2,3 đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 117.000.000 VNĐ**).
- Đạt giải ba học sinh giỏi quốc gia: học bổng toàn phần năm 1,2 đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 78.000.000 VNĐ**).
- Đạt giải khuyến khích học sinh giỏi quốc gia: học bổng toàn phần năm 1 đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 39.000.000 VNĐ**).
- Đạt giải nhất/ nhì/ ba Quốc tế: học bổng toàn phần 4 năm học đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 156.000.000 VNĐ**).
- Đạt giải khuyến khích quốc tế: học bổng toàn phần năm 1,2,3 đối với chương trình do Trường ĐHQT cấp bằng (**trị giá 117.000.000 VNĐ**).

### **3.1.2 Điều kiện duy trì học bổng:**

Sinh viên phải đạt điểm trung bình từng học kỳ từ 70.0 trở lên và tất cả các môn học phải từ 50.0 trở lên. Nếu ở học kỳ nào không đạt điều kiện này thì sẽ không được nhận học bổng học kỳ đó.

### **3.2 Học bổng khuyến khích học tập:**

Để khuyến khích sinh viên đạt kết quả học tập tốt từng học kỳ, trường ĐHQT dành khoảng **504.000.000 VNĐ** để thưởng cho những sinh viên có kết quả học tập xuất sắc theo từng học kỳ, từ học kỳ 2 năm thứ

nhất (mỗi học kỳ chính sẽ có 40 suất học bổng, mỗi suất trị giá 600 USD; mỗi học kỳ hè sẽ có 20 suất học bổng, mỗi suất trị giá 300 USD) của từng Khoa/ngành và chưa có tên trong danh sách học bổng toàn phần hay bán phần.

**Lưu ý:**

Trường ĐH Quốc tế có hai chương trình đào tạo: chương trình trong nước cấp bằng và chương trình liên kết. Do quy định, các ngành giống nhau phải có cùng mã ngành nên ở Mục 2 của “phiếu Đăng ký dự thi Đại học và Cao đẳng”, học sinh ghi đầy đủ tên ngành, mã ngành và **chương trình đăng ký dự thi**.

TUYENSINH247.COM

## KHOA Y

Phòng 607, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: (08)37242160 (Ext: 3112); Fax: (08)37242188

Email: [daotaokhoay@vnuhcm.edu.vn](mailto:daotaokhoay@vnuhcm.edu.vn); Website: [www.medvnu.edu.vn](http://www.medvnu.edu.vn)

### 1. Thông tin chung

Khoa Y là đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM, là một đơn vị đào tạo tiên tiến, chất lượng cao dựa trên mô hình Trường - Bệnh viện, kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Trong những năm đầu thành lập, Khoa Y tập trung đào tạo bác sĩ đa khoa bậc đại học; sau đó Khoa sẽ tiếp tục mở những ngành đào tạo đại học và sau đại học khác.

### 2. Phòng học và phòng thí nghiệm

Các giảng đường lớn và phòng học nhóm nhỏ được trang bị teleconferencing, thiết bị nghe nhìn hiện đại, wifi, ... để triển khai phương pháp giảng dạy và học tập mới trong đó chú trọng đến học theo vấn đề, học và thảo luận theo nhóm nhỏ, và tự học.

Các phòng thí nghiệm, phòng thực hành được đầu tư mới và hiện đại như: PTN đại cương Hóa học, Sinh học và Lý sinh, PTH Giải phẫu, phòng huấn luyện Kỹ năng y khoa, PTH Sinh hóa - Sinh học phân tử, PTH Dược lý, PTH Sinh lý - Sinh lý bệnh, PTH Vi thể, PTH Vi ký sinh.

### 3. Cơ sở thực hành lâm sàng

Trong quá trình học tại Khoa Y, sinh viên sẽ được thực hành lâm sàng tại các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa trên địa bàn Tp.HCM như BV Thống Nhất, BV Chợ Rẫy, BV Bình Dân, BV Nhân dân Gia Định, BV phụ sản Từ Dũ, BV Nhi Đồng I, BV Nhân dân 115, BV Quận Thủ Đức, BV Bệnh Nhiệt Đới, BV Đa khoa Khu vực Thủ Đức, BV Răng-Hàm-Mặt, BV Tai-Mũi-Họng...

Thực hành cộng đồng sẽ được tiến hành tại một số cơ sở y tế và cộng

đồng dân cư tại khu vực Thủ Đức và các quận huyện khác trong TP.HCM.

Ngoài ra, ĐHQG-HCM đang xúc tiến các thủ tục đầu tư xây dựng bệnh viện thực hành cho Khoa Y theo đúng mô hình Trường – Bệnh viện.

#### 4. **Đội ngũ giảng viên**

Hiện nay Khoa Y có hơn 140 cán bộ giảng viên cơ hữu, kiêm nhiệm và thỉnh giảng. Đội ngũ giảng viên của Khoa gồm các GS-PGS, TS-BSCCKII đầu ngành, có tâm huyết với sự nghiệp giáo dục.

#### 5. **Các hệ thống hỗ trợ sinh viên**

Sinh viên Khoa Y được sử dụng tất cả các dịch vụ của hệ thống hỗ trợ sinh viên hiện đại của ĐHQG-HCM, Cơ quan chủ quản của Khoa Y:

##### ▪ **Ký túc xá sinh viên**

Khang trang, hiện đại và có đầy đủ các dịch vụ; đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho tất cả sinh viên theo học tại Khoa Y.

##### ▪ **Thư viện**

Được tổ chức thành một hệ thống thư viện thống nhất và đồng bộ, phục vụ chung cho tất cả độc giả là giảng viên, cán bộ viên chức, nhà nghiên cứu, sinh viên của ĐHQG-HCM.

Sách giáo khoa, tạp chí, tài liệu, cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ giảng dạy - học tập - nghiên cứu trong và ngoài nước trong lĩnh vực y khoa và các lĩnh vực khác có liên quan rất phong phú.

##### ▪ **Hệ thống xe buýt**

Hệ thống xe buýt từ các hướng trong thành phố và các tỉnh lân cận đến khu đô thị ĐHQG-HCM hoạt động liên tục, tạo điều kiện thuận lợi cho các bạn sinh viên ngoại trú trong việc đi lại và học tập.

#### 6. **Thông tin tuyển sinh 2014**

| Stt | Tên trường/Ngành học              | Mã ngành       | Khối     | Chỉ tiêu   |
|-----|-----------------------------------|----------------|----------|------------|
|     | <b>Ký hiệu trường: QSY</b>        |                |          |            |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b> |                |          |            |
| 1   | - Y đa khoa                       | <b>D720101</b> | <b>B</b> | <b>100</b> |



- **Điểm chuẩn 2011:** NV1: 23,5 đ
- **Điểm chuẩn 2012:** NV1: 24 đ
- **Điểm chuẩn 2013:** NV1: 26 đ

Đào tạo 6 năm theo chương trình đổi mới, tiên tiến, trang bị đầy đủ kỹ năng quan trọng và khả năng tự học cho sinh viên.

TUYENSINH247.COM

## KÝ TÚC XÁ ĐHQG-HCM

Trung tâm Quản lý Ký túc xá (TTQLKTX) là đơn vị dịch vụ phục vụ đào tạo trực thuộc ĐHQG-HCM, với nhiệm vụ chính là chăm lo đời sống vật chất, văn hóa tinh thần, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên nội trú. Theo quy hoạch, TTQLKTX có diện tích rộng 42ha, bao gồm 3 khu là: Khu A 24 đơn nguyên 05 tầng, với sức chứa 12.000 chỗ, Khu A mở rộng 06 đơn nguyên nhà 12 tầng với sức chứa 10.000 chỗ, Khu B 19 đơn nguyên từ 12 đến 16 tầng với sức chứa 40.000 chỗ, do Chính phủ, ĐHQG-HCM và các tỉnh đầu tư xây dựng.

### A. Đối tượng sinh viên ở KTX ĐHQG-HCM

Sinh viên ĐHQG-HCM có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh, thành phố hoặc các huyện ngoại thành Tp Hồ Chí Minh đều được nội trú ký túc xá.

### B. Hồ sơ nội trú gồm có:

- Bản đăng ký nội trú theo mẫu tại website: <http://ktx.vnuhcm.edu.vn/Dangkynoitru.aspx>
- Bản photo giấy báo nhập học đối với sinh viên năm thứ nhất hoặc thẻ sinh viên đối với sinh viên từ năm thứ hai trở lên.
- Bản photo CMND.
- Các giấy tờ ưu tiên có xác nhận của trường hoặc địa phương (nếu có).
- Nộp hồ sơ và lệ phí theo quy định.

### C. Đời sống sinh viên nội trú:

- Tự rèn luyện
- ĐHQG-HCM chủ trương “KTX không chỉ là nơi ở mà còn là nơi để sinh viên tự rèn luyện nhằm góp phần rèn luyện đạo đức, lối sống và bồi dưỡng nhân cách cho sinh viên”. Do vậy, Ký túc xá ĐHQG-HCM, không chỉ đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt tốt mà tạo môi trường để sinh viên rèn luyện khả năng tự lập, chuẩn mực ứng xử, ý thức trách nhiệm với tập thể. Bên cạnh các chương trình, hoạt động tổ chức tại đơn vị thì Ký túc xá ĐHQG-HCM là điểm quan trọng để tổ chức các chương trình, hoạt động định hướng, giáo dục về chính trị-tư tưởng, văn hóa, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật, kỹ năng cũng như các hoạt động văn-thể-mỹ cho sinh viên. Ngoài tham gia

các hoạt động do ĐHQG-HCM, các trường đại học thành viên tổ chức, sinh viên còn tham gia tự rèn luyện trong các câu lạc bộ, sân chơi do chính sinh viên tổ chức tại ký túc xá như các câu lạc bộ: Phát thanh sinh viên, Nữ sinh, Anh văn, Nghệ thuật, Hip-Hop, Võ thuật.

- Được đảm bảo an ninh-an toàn
- Ký túc xá ĐHQG-HCM là đơn vị dẫn đầu thành phố về tổ chức và thực hiện phong trào chăm lo đời sống vật chất, văn hoá tinh thần cho sinh viên. Từ ngày thành lập đến nay, Ký túc xá không xảy ra bất cứ vụ việc nghiêm trọng nào về các vấn đề và tệ nạn xã hội, là môi trường không có mùi rượu bia, không mùi thuốc lá, không ma túy, mại dâm và các văn hoá phẩm không lành mạnh khác; đảm bảo tốt công tác an ninh trật tự, bảo vệ trực 24/24, kiểm tra chặt chẽ người ra vào ký túc xá, thường xuyên nhắc nhở sinh viên phải nêu cao tinh thần cảnh giác.
- Ký túc xá ĐHQG-HCM triển khai và đưa vào sử dụng phần mềm quản lý sinh viên bằng công nghệ RFID; các công cụ kiểm soát, lắp ráp thêm nhiều camera an ninh tại các cổng và điểm ra vào, cửa chính các khu KTX, nhất là các khu nhà cao tầng và trong thời gian tới sẽ triển khai trong tất cả các tòa nhà sinh viên nhằm kiểm soát an ninh hiệu quả.
- Thụ hưởng dịch vụ đa dạng

Nội trú tại Ký túc xá ĐHQG-HCM, ngoài việc được sống trong không gian đạt tiêu chuẩn nội trú sinh viên còn được thụ hưởng nhiều loại hình dịch vụ đời sống và tinh thần.

Hiện nay, toàn Ký túc xá ĐHQG-HCM có 9 nhà ăn, 11 căn tin, 2 trung tâm giặt đồ. Bên cạnh đó, nội trú tại Ký túc xá ĐHQG-HCM sinh viên được thụ hưởng các loại hình dịch vụ đời sống và tinh thần đa dạng như: dịch vụ Internet đến phòng ở, wifi phủ khắp các đơn nguyên nhà, nhiều loại hình, gói cước phù hợp, nhiều loại giá để sinh viên lựa chọn, dịch vụ giao đồ ăn uống tận phòng, ATM, máy nạp tiền điện thoại tự động, các căn tin, tạp hóa, quán cơm, nhà xe, café, phòng chiếu phim 3D, phòng chiếu phim HD, sân bóng đá cỏ nhân tạo, CLB Karaoke, các phòng máy vi tính.

Trạm Y tế Ký túc xá đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho sinh viên nội trú. Hiện nay, Trạm Y tế có phòng cấp cứu, phòng nội tổng quát, phòng tiếp nhận bệnh nhân, phòng Răng-Hàm-Mặt, phòng cấp phát thuốc và 10 phòng lưu bệnh. Trạm Y tế được cơ quan Bảo hiểm Y tế ký hợp đồng khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên. Ngoài ra, Trạm Y tế còn đảm nhận tư vấn về tâm sinh lý, sức khỏe sinh sản sinh viên, công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng chống dịch bệnh trong Ký túc xá. Trạm Y tế có đội ngũ y, bác sĩ đảm bảo trực cấp cứu chăm sóc sức khỏe 24/24 giờ, giải quyết các ca bệnh đột xuất ngoài giờ hành chính. Có xe cứu thương chuyên dụng thường trực để chở bệnh nhân lên tuyến trên khi cần thiết.



## **VIỆN ĐÀO TẠO QUỐC TẾ (IEI) ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH**

146 Bis Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh;

ĐT: (08)39118311 – 39118312.

232/15 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh;

ĐT: (08)39322070

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh;

ĐT: (08) 35032253

Website: [www.iei.edu.vn](http://www.iei.edu.vn)

Viện Đào tạo Quốc tế (IEI) là đơn vị giáo dục trực thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM, và là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam vận hành các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học trên thế giới

Tất cả những chương trình vận hành tại IEI đều được ký kết với các trường Đại học công lập uy tín được chính phủ 2 nước công nhận, và được các tổ chức kiểm định uy tín trên thế giới chứng nhận: AACSB, SACS, WACS, ABET...

Sinh viên sẽ tham gia học giai đoạn 1 tại các cơ sở của IEI tọa lạc ngay trung tâm TP.HCM, và giai đoạn 2 tại trường Đại học mà các bạn lựa chọn ở Hoa Kỳ, Anh, Úc, hoặc New Zealand

Chúng tôi tự hào khi những thế hệ sinh viên của IEI sau khi tốt nghiệp từ nước ngoài về hiện đang giữ những vai trò rất quan trọng trong các tập đoàn lớn của Việt Nam cũng như quốc tế

## **CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUỐC TẾ HOA KỲ - ANH-ÚC - NEW ZEALAND**

### **CHƯƠNG TRÌNH XÉT TUYỂN, KHÔNG THI TUYỂN DÀNH CHO CÁC BẠN HỌC SINH:**

- Mong muốn theo học môi trường quốc tế tại Việt Nam, chuyển tiếp sang các trường uy tín trên thế giới, lấy bằng do các trường trên thế giới cấp.
- Mong muốn du học nhưng lo ngại việc đi trực tiếp sẽ dẫn đến những cản trở nhất định (tài chính, tiếng Anh, sốc văn hóa, VISA, học lực...), cần một giai đoạn chuẩn bị tại Việt Nam
- Có phong cách, phương pháp học tập phù hợp với môi trường quốc tế, có sự tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp, tôn trọng sự độc lập, sáng tạo của sinh viên.

### **CỬ NHÂN QUỐC TẾ IEI LÀ SỰ LỰA CHỌN TỐT NHẤT CHO TƯƠNG LAI VÌ**

- ❖ 19 trường công lập đối tác của IEI nằm trong top 5% các trường trên toàn thế giới đạt chứng nhận AACSB, SACS, WACS.
- ❖ Bằng tốt nghiệp do trường đối tác cấp, có giá trị toàn cầu.
- ❖ Tiết kiệm  $\frac{3}{4}$  chi phí so với du học trực tiếp.
- ❖ Visa thuận lợi, hỗ trợ làm hồ sơ chuyển tiếp chuyên nghiệp.
- ❖ Giáo trình gốc, giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh.
- ❖ Đội ngũ giảng viên xuất sắc do Hội đồng tuyển dụng của các trường đối tác trên Thế giới kiểm định và tuyển chọn.
- ❖ Sinh viên có cơ hội nhận học bổng giai đoạn 1 tại Việt Nam và giai đoạn 2 tại các trường đối tác lên đến 100%.
- ❖ Mạng lưới cựu sinh viên rộng khắp, hỗ trợ nhiệt tình cho sinh viên khi chuyển tiếp sang nước ngoài.

### **CÙNG THAM GIA VÀO ĐỘI NGŨ CỬ NHÂN QUỐC TẾ CỦA IEI:**

#### **1. Ngành Đào tạo:**

- **Nhóm ngành Kinh tế/ Quản lý:** QTKD, Tài chính, Kế toán, Marketing, Quản lý Nhân sự, Quản lý Y tế, Quản lý Môi trường,

Thương mại Quốc tế...

- **Nhóm ngành Công nghệ Thông tin:** Khoa học Máy tính, Kỹ sư Phần mềm, Kỹ sư Hệ thống Máy tính...
- **Ngành Quản lý Nhà hàng Khách sạn.**
- Và nhiều chuyên ngành khác phù hợp với năng lực, sở thích của sinh viên và nhu cầu nhân lực của xã hội

## 2. Điều kiện dự tuyển:

- Tốt nghiệp THPT
- Điểm trung bình 3 năm THPT  $\geq 6.5$
- Điểm TOEFL iBT  $\geq 61$  hoặc IELTS  $\geq 5.5$  \*

\* Những bạn chưa có điểm tiếng Anh quốc tế có thể đăng ký thi đầu vào tại IEL. Những bạn chưa tự tin vào năng lực tiếng Anh của mình có thể học chương trình Dự Bị Đại Học tại IEL.

## 3. Hồ sơ dự tuyển

- Đơn dự tuyển
- Học bạ 3 năm THPT (2 bản sao có công chứng)
- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (2 bản sao có công chứng)
- Bảng điểm TOEFL hoặc IELTS (nếu có).
- 2 ảnh 4x6
- Lệ phí nộp hồ sơ

## 4. Thời gian nhận hồ sơ:

Mỗi năm chương trình có 3 đợt tuyển sinh như sau:

|       | Thời hạn nộp Hồ sơ | Thời gian nhập học |
|-------|--------------------|--------------------|
| Đợt 1 | 31/3               | Tháng 5            |
| Đợt 2 | 31/7               | Tháng 9            |
| Đợt 3 | 31/10              | Tháng 12           |

## 5. Hình thức đăng ký:

- Đăng ký trực tiếp tại Cơ sở: **232/15 Võ Thị Sáu, Quận 3** hoặc **146 bis Nguyễn Văn Thủ, Quận 1** (vui lòng mang theo CMND)
- Đăng ký qua điện thoại: **08-3932 2070** hoặc **08-3911 8311**

## 6. Thông tin liên hệ:

Website : [www.iei.edu.vn](http://www.iei.edu.vn)

Email : [cunhanquocte@iei.edu.vn](mailto:cunhanquocte@iei.edu.vn)

Facebook: <http://www.facebook.com/iei.vnuhcm>

Hotline : [0907 848 200](tel:0907848200)

## CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC

- Dành cho những bạn học sinh chưa tự tin vào năng lực ngoại ngữ của mình, chưa đáp ứng được chuẩn đầu vào của chương trình Cử nhân Quốc tế
- Chương trình có 4 cấp lớp từ thấp đến cao phù hợp với tất cả học sinh ở mọi trình độ (tiếng Anh)
- Chương trình rèn luyện cho học sinh các kỹ năng của tiếng Anh học thuật, và kỹ năng học tập trong môi trường quốc tế như thuyết trình, cách đọc sách, làm việc nhóm, viết bài luận...





## **TRUNG TÂM ĐẠI HỌC PHÁP (PUF-HCM) ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH**

Tầng 5, Nhà Điều hành ĐHQG-HCM

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: (08)37242169 - Fax: (08)37242166

Email: [info@pufhcm.edu.vn](mailto:info@pufhcm.edu.vn), [puf.hcm@vnuhcm.edu.vn](mailto:puf.hcm@vnuhcm.edu.vn)

Website: [www.pufhcm.edu.vn](http://www.pufhcm.edu.vn)

Trung tâm Đại học Pháp - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (PUF-HCM) là một trong các đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), được ĐHQG-HCM ra Quyết định thành lập số 581/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 20 tháng 07 năm 2006 nhằm thực hiện “Thỏa thuận về việc thành lập các Trung tâm Đại học Pháp tại Việt Nam” ký ngày 06 tháng 10 năm 2004 nhân chuyến viếng thăm Việt Nam của nguyên Tổng thống Pháp Jacques Chirac, và “Thỏa thuận tài chính”, ký ngày 15 tháng 05 năm 2006 giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Pháp.

Việc thành lập PUF-HCM nhằm thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam, khuyến khích sự phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu.

### **Các chương trình hợp tác đào tạo với các trường Đại học danh tiếng của Pháp trong các lĩnh vực**

**1. Chương trình Cử nhân Tin học** do hai trường **Đại học Bordeaux 1** và **Paris 6** của Pháp triển khai và cấp bằng tại PUF-HCM.

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Pháp hoặc tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo: 3 năm

**2. Chương trình Cử nhân Kinh tế Quản lý** do trường **Đại học Toulouse 1 Capitole** triển khai và cấp bằng.

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

- Thời gian đào tạo: 3 năm

### **Thông tin về các chương trình đào tạo tại PUF-HCM**

- Các chương trình đào tạo tại PUF-HCM được triển khai theo chuẩn giáo dục châu Âu LMD (Licence – Master – Doctorat) do vậy thời gian theo học dành cho bậc Đại học là 3 năm và bậc Thạc sĩ là 2 năm. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể tiếp tục theo học chương trình Thạc sĩ tại Pháp hoặc tại bất kỳ nước nào thuộc Liên minh châu Âu.
- Tham gia chương trình giảng dạy tại PUF-HCM là các Giảng viên có kinh nghiệm đến từ các trường Đại học đối tác. Chất lượng giảng dạy và văn bằng tốt nghiệp được chính các trường đại học uy tín của Pháp kiểm định và cấp phát.
- Bên cạnh chất lượng giảng viên, môi trường học tập tại PUF-HCM cũng mang tính quốc tế cùng với các trang thiết bị và phương tiện học tập hiện đại. Đặc biệt việc giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tạo điều kiện cho sinh viên tăng cường khả năng ngoại ngữ. Các khoá học bổ sung về ngoại ngữ giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo cả 2 ngoại ngữ : Anh, Pháp.
- Với mức học phí thấp hơn nhiều so với việc du học nước ngoài và cũng thấp hơn hẳn so với các cơ sở đào tạo có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam nhưng vẫn đảm bảo chất lượng văn bằng do các trường đại học nổi tiếng của Pháp cấp và có giá trị quốc tế, mô hình đào tạo tại PUF-HCM đáp ứng nhu cầu của các bạn trẻ Việt Nam : cơ hội học tập và nghiên cứu trong môi trường quốc tế ngay chính tại quê hương.
- Ngoài ra, chính sách học bổng hấp dẫn cũng là yếu tố thu hút sinh viên đăng ký học tập tại PUF-HCM. Sinh viên có kết quả học tập xuất sắc có cơ hội nhận được học bổng toàn phần hoặc bán phần. PUF-HCM còn có chính sách học bổng dành cho thí sinh đạt kết quả thi đại học từ 22 điểm trở lên.

Hơn nữa, trong khuôn khổ các chương trình hợp tác, PUF-HCM cũng phối hợp với các trường Đại học của Pháp triển khai đồng thời đào tạo bậc Thạc sĩ với mục tiêu đảm bảo tính hiệu quả và kết nối giữa các bậc đào tạo (Cử nhân, Thạc sĩ, Tiến sĩ).

**1. Chương trình Thạc sĩ Kinh tế Thương mại** do trường Đại học Toulouse 1 Capitole triển khai và cấp bằng

- Ngôn ngữ giảng dạy : tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo : 2 năm

**2. Chương trình Thạc sĩ Tin học** do trường Đại học Paris 6 và Bordeaux 1 triển khai và cấp bằng

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo: 2 năm.

**HẠN NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN**

**Thời gian**

**Đợt 1 : trước ngày 30/6**

**Đợt 2 : trước ngày 15/8**

(Có thể kết thúc trước thời hạn nếu đã đủ số lượng đăng ký)

**Điều kiện xét tuyển.** Xem chi tiết tại [www.pufhcm.edu.vn](http://www.pufhcm.edu.vn)

# **TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ ITEC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HỒ CHÍ MINH**

227 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (08)38303625

Website: [www.itec.hcmus.edu.vn](http://www.itec.hcmus.edu.vn)

## **CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUỐC TẾ**

***ĐH Quốc Gia TP HCM đã chấp thuận cho Trung tâm Đào tạo Quốc tế ITEC – Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên (ĐH KHTN) xét tuyển 2 chương trình Cử nhân quốc tế, học hoàn toàn tại Việt Nam, nhận bằng ĐH nước ngoài.***

### **Môi trường học tập uy tín tại Việt Nam**

Hai yếu tố quan trọng nhất trong việc quyết định chất lượng của một chương trình hợp tác đào tạo gồm: một là chương trình phải được kiểm định bởi các tổ chức uy tín; hai là các đối tác, bao gồm cả đối tác trong nước và nước ngoài phải có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực đào tạo nhiều năm. Theo đó, hai chương trình Cử nhân Quốc tế đang được đào tạo tại Trung tâm Đào tạo Quốc tế ITEC, trực thuộc Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM là ngành Quản lý Kinh doanh Quốc tế, hợp tác với ĐH Keuka và ngành Công nghệ Thông tin, hợp tác với ĐH AUT đều đáp ứng được các yêu cầu trên.

ĐH Keuka được kiểm định bởi tổ chức MSCHE (Hiệp hội các trường ĐH – CĐ miền Trung nước Mỹ), đặc biệt chương trình hợp tác với trường ĐH KHTN cũng được tổ chức này công nhận như một cơ sở của trường tại Việt Nam. Còn ĐH AUT là trường ĐH công lập lớn tại New Zealand và xếp hạng thứ 36 trong số 100 trường ĐH ở châu Đại Dương.

Sinh viên (SV) theo học chương trình sẽ học hoàn toàn tại trường ĐH KHTN ở ngay trung tâm TPHCM. SV vẫn được hưởng một chương trình đào tạo quốc tế, được giảng dạy bởi đội ngũ giáo sư, giảng viên đến từ

trường ĐH đối tác, học bằng tiếng Anh và bằng cấp giá trị, và với mức học phí tiết kiệm.

### **Chương trình đào tạo chất lượng quốc tế**

Vì là chương trình đào tạo quốc tế, nên các môn học chuyên ngành đều được giảng dạy bằng tiếng Anh, SV được yêu cầu làm luận văn, viết và trình bày bằng tiếng Anh trước hội đồng. Ngoài chương trình chính khóa, trường còn tổ chức các lớp học tiếng Anh tăng cường với 100% GV nước ngoài, nhằm giúp các em khi tốt nghiệp có thể đạt được trình độ IELTS 6.0 sau 2 năm đầu.

Chương trình còn được đánh giá cao thông qua tiêu chí đào tạo lấy SV làm trọng tâm. Điều này thể hiện ở việc quy định sĩ số lớp học hợp lý (không quá 50 SV cho lớp chính khóa, 25 SV với lớp tiếng Anh); SV được khảo sát ý kiến phản hồi về giảng viên sau mỗi môn học; chương trình “Office Hour” với những giờ hỗ trợ-giải đáp thắc mắc, khó khăn của SV trong quá trình học; sự quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và PH thông qua việc gửi kết quả học tập sau mỗi học kỳ, báo cáo điểm danh SV hàng tuần; quan hệ với công ty đối tác trong việc tổ chức cho SV tham quan thực tế, phỏng vấn việc làm...

Cùng với các hoạt động ngoại khóa, CLB học tập cũng như thư giãn nhằm nâng cao các kỹ năng mềm, giúp SV không chỉ giỏi kiến thức mà còn có các kỹ năng thực tế cần thiết như giao tiếp, giải quyết vấn đề, ứng xử linh hoạt...

### **Cử nhân Quốc tế và cơ hội nghề nghiệp**

Tốt nghiệp ngành Quản lý Kinh doanh Quốc tế, SV sẽ đảm nhận được các vị trí như: chuyên viên xuất – nhập khẩu, cố vấn các giải pháp kinh doanh, quản lý và đại diện cho các doanh nghiệp trong nước và công ty nước ngoài. Đối với ngành Công nghệ Thông tin, trường đã có 3 khóa SV tốt nghiệp vào năm 2011, 2012, 2013, tất cả đều đã có việc làm tại các công ty lớn, đúng chuyên ngành, hoặc đang học lên Thạc sỹ ở nước ngoài và 1/3 trong số đó đã có việc làm ngay trước khi tốt nghiệp.

Đánh giá về SV ITEC sau khi tốt nghiệp và làm việc tại đơn vị, ông Scott Sugar – Giám đốc công ty Prism IT Services cho biết: “*Các bạn với những kỹ năng chuyên môn vững vàng, có thể giải quyết các vấn đề kỹ thuật một cách độc lập. Các bạn đều nói tiếng Anh tốt, được đồng nghiệp*

*quý mến và tôn trọng. Nếu được, công ty chúng tôi mong muốn sẽ có thêm nhiều bạn sinh viên như vậy”.*

Năm 2014, Trung tâm Đào tạo Quốc tế ITEC – Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM tiếp tục xét tuyển 2 chương trình Cử nhân Quốc tế: Công Nghệ Thông Tin và Quản lý Kinh doanh Quốc tế với chỉ tiêu 200 SV.

Đối tượng xét tuyển là học sinh đã tốt nghiệp THPT và vượt qua kỳ thi tiếng Anh do nhà trường tổ chức. Tuyển thẳng đối với học sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài (sử dụng tiếng Anh) hoặc các trường quốc tế dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh tại Việt Nam.

Nhận mẫu hồ sơ trên mạng hoặc trực tiếp tại **Trung tâm Đào tạo Quốc tế ITEC – Trường ĐH KHTN 227 Nguyễn Văn Cừ, Q.5, TPHCM; ĐT: 08. 38303625; Hotline: 090 7171 140 [www.itec.hcmus.edu.vn](http://www.itec.hcmus.edu.vn)**



*Lễ tốt nghiệp chương trình Cử nhân Quốc tế Công Nghệ Thông Tin năm 2013 tại trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM*

## PHỤ LỤC 1

**ĐIỂM CHUẨN NGUYỄN VỌNG 1**  
**NĂM 2011, 2012, 2013**

| Stt      | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                                                                                                                 | Mã ngành                                 | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------|----------------|------|------|
|          |                                                                                                                                                    |                                          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
| <b>1</b> | <b>Trường Đại học Bách khoa</b><br><i>Mã trường (QSB)</i>                                                                                          |                                          |          |                |      |      |
|          | <b>* Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                                |                                          |          |                |      |      |
|          | - Công nghệ thông tin ( <i>Kỹ thuật Máy tính; Khoa học Máy tính</i> )                                                                              | D520214<br>D480101                       | A, A1    | 18.5           | 18.5 | 22.5 |
|          | - Điện - Điện tử ( <i>Điện năng - Kỹ thuật điện; Tự động hoá và Điều khiển; Điện tử - Viễn thông</i> )                                             | D520201<br>D520216<br>D520207            | A, A1    | 18.5           | 19   | 22.5 |
|          | - Cơ khí - Cơ Điện tử ( <i>Cơ điện tử; Kỹ thuật Chế tạo; Kỹ thuật Thiết kế; Kỹ thuật Nhiệt lạnh; Kỹ thuật Máy Xây dựng &amp; Nâng chuyển</i> )     | D520103<br>D520114<br>D520115            | A, A1    | 17             | 18.5 | 22   |
|          | - Công nghệ Dệt may                                                                                                                                | D540201                                  | A, A1    | 15             | 16   | 19   |
|          | - Nhóm ngành Công nghệ Hoá - Thực phẩm - Sinh học ( <i>KT Hoá; CN Chế biến dầu khí; Quá trình và thiết bị; CN Thực phẩm; Công nghệ Sinh học</i> ). | D520301<br>D540101<br>D420201            | A, A1    | 18.5           | 18.5 | 23   |
|          | - Xây dựng ( <i>XD Dân dụng và Công nghiệp; XD Cầu đường; Cảng và Công trình biển; XD Công trình thủy - Cấp thoát nước</i> ).                      | D580201<br>D580205<br>D580203<br>D580212 | A, A1    | 19             | 19.5 | 20   |
|          | - Kiến trúc ( <i>Kiến trúc Dân dụng và Công nghiệp</i> )                                                                                           | D580102                                  | V        | 21.5           | 24   | 28   |

| Stt | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                                                                                                               | Mã ngành                      | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|----------------|------|------|
|     |                                                                                                                                                  |                               |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|     | - Kỹ thuật Địa chất - Dầu khí (Địa chất dầu khí; Công nghệ khoan và khai thác dầu khí; Địa kỹ thuật, Địa chất khoáng sản; Địa chất môi trường ). | D520604<br>D520501            | A, A1    | 18             | 19.5 | 22.5 |
|     | - Quản lý công nghiệp                                                                                                                            | D510601                       | A, A1    | 17             | 18   | 20.5 |
|     | - Kỹ thuật và Quản lý môi trường<br>(Kỹ thuật Môi trường; Quản lý Công nghệ Môi trường)                                                          | D520320<br>D850101            | A, A1    | 16             | 16.5 | 20.5 |
|     | - Kỹ thuật giao thông (Hàng không, Ôtô, Tàu thủy)                                                                                                | D520120<br>D510205<br>D520122 | A, A1    | 16             | 16.5 | 20.5 |
|     | - Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp                                                                                                                  | D510602                       | A, A1    | 15.5           | 16   | 19   |
|     | - Kỹ thuật vật liệu (Vật liệu Polyme, Silicat, Kim loại)                                                                                         | D520309                       | A, A1    | 15.5           | 16   | 19.5 |
|     | - Trắc địa (Trắc địa; Địa chính; GIS- Hệ thống thông tin địa lý)                                                                                 | D520503                       | A, A1    | 15             | 16   | 19   |
|     | - Vật liệu và Cấu kiện xây dựng                                                                                                                  | D510105                       | A, A1    | 15.5           | 16   | 19   |
|     | - Nhóm ngành Vật lý kỹ thuật - Cơ kỹ thuật (Kỹ thuật Y sinh; Kỹ thuật Laser; Cơ kỹ thuật)                                                        | D520401<br>D520101            | A, A1    | 15             | 16.5 | 20.5 |
|     | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                               |                               |          |                |      |      |
|     | -Bảo dưỡng công nghiệp (chương trình do các trường IUT của Pháp tài trợ – dự kiến được liên thông lên Đại học ngành Cơ khí- Kỹ thuật chế tạo)    | C510505                       | A, A1    |                |      |      |
| 2   | <b>Trường ĐH Công nghệ Thông tin<br/>Mã trường (QSC)</b>                                                                                         |                               |          |                |      |      |
|     | - Khoa học máy tính                                                                                                                              | D480101                       | A, A1    | 15             | 20   | 24.5 |



| Stt      | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                       | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|----------|----------------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|------|
|          |                                                          |          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|          | - Kỹ thuật máy tính                                      | D520214  | A, A1    | 15             | 20   | 24.5 |
|          | - Kỹ thuật phần mềm                                      | D480103  | A, A1    | 17             | 20   | 27.5 |
|          | - Hệ thống thông tin                                     | D480104  | A, A1    | 15             | 20   | 24.5 |
|          | - Mạng máy tính và truyền thông                          | D480102  | A, A1    | 16             | 20   | 25   |
|          | - Công nghệ thông tin                                    | D480201  | A, A1    |                |      | 24.5 |
| <b>3</b> | <b>Trường Đại học Kinh tế - Luật<br/>Mã trường (QSK)</b> |          |          |                |      |      |
|          | - Kinh tế học                                            | D310101  | A, A1    | 17             | 24   | 24   |
|          |                                                          | D310101  | D1       | 17             | 26   | 24   |
|          | - Kinh tế đối ngoại                                      | D310106  | A, A1    | 20.5           | 28.5 | 30   |
|          |                                                          | D310106  | D1       | 20.5           | 30   | 30   |
|          | - Kinh tế và quản lý công                                | D310101  | A, A1    | 16.5           | 22.5 | 27   |
|          |                                                          | D310101  | D1       | 16.5           | 23.5 | 28   |
|          | - Tài chính - Ngân hàng                                  | D340201  | A, A1    | 18             | 26.5 | 24   |
|          |                                                          | D340201  | D1       | 18             | 29.5 | 24   |
|          | - Kế toán                                                | D340301  | A, A1    | 20             | 24   | 29.5 |
|          |                                                          | D340301  | D1       | 20             | 26   | 29.5 |
|          | - Kiểm toán                                              | D340302  | A, A1    |                | 26.5 | 29   |
|          |                                                          | D340302  | D1       |                | 28.5 | 29   |
|          | - Hệ thống thông tin quản lý                             | D340405  | A, A1    | 16             | 22   | 24   |
|          |                                                          | D340405  | D1       |                |      | 24   |

| Stt      | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                  | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|----------|-----------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|------|
|          |                                                     |          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|          | - Quản trị kinh doanh                               | D340101  | A, A1    | 18             | 25.5 | 26.5 |
|          |                                                     | D340101  | D1       | 18             | 28   | 26.5 |
|          | - Kinh doanh quốc tế                                | D340120  | A, A1    |                | 25.5 | 31.5 |
|          |                                                     | D340120  | D1       |                | 27.5 | 31.5 |
|          | - Luật kinh doanh                                   | D380107  | A, A1    | 17.5           | 25.5 | 28.5 |
|          |                                                     | D380107  | D1       | 17.5           | 27.5 | 28   |
|          | - Luật thương mại quốc tế                           | D380107  | A, A1    | 18.5           | 25.5 | 28.5 |
|          |                                                     | D380107  | D1       | 18.5           | 28.5 | 28   |
|          | - Luật dân sự                                       | D380101  | A, A1    | 16             | 22   | 28.5 |
|          |                                                     | D380101  | D1       | 16             | 22   | 28   |
|          | - Luật tài chính- ngân hàng- chứng khoán            | D380107  | A, A1    | 18             | 22   | 28.5 |
|          |                                                     | D380107  | D1       | 18             | 22   | 28   |
| <b>4</b> | <b>Trường Đại học Quốc tế</b>                       |          |          |                |      |      |
|          | <i>Mã trường (QSQ)</i>                              |          |          |                |      |      |
|          | <b>*Các ngành đào tạo đại học do ĐHQT cấp bằng:</b> |          |          |                |      |      |
|          | - Công nghệ thông tin                               | D480201  | A, A1    | 14             | 15   | 17   |
|          | - Khoa học máy tính                                 |          |          | 14             |      |      |
|          | - Kỹ thuật điện tử, truyền thông                    | D520207  | A, A1    | 14             | 15   | 16.5 |
|          | - Kỹ thuật Y sinh                                   | D520212  | A, A1    | 17             | 17.5 | 20   |
|          |                                                     | D520212  | B        | 17             | 17.5 | 20   |

| Stt | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                                                                                              | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|------|
|     |                                                                                                                                 |          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|     | - Công nghệ sinh học                                                                                                            | D420201  | A, A1    | 14             | 17   | 18.5 |
|     |                                                                                                                                 | D420201  | B        | 15             | 17   | 18.5 |
|     |                                                                                                                                 | D420201  | D1       | 15             | 20   | 19.5 |
|     | - Quản lý và Phát triển nguồn lợi thủy sản                                                                                      | D620305  | A, A1    | 13.5           | 15   | 16   |
|     |                                                                                                                                 | D620305  | B        | 14             | 15   | 16   |
|     |                                                                                                                                 | D620305  | D1       | 15             | 15   | 16   |
|     | - Công nghệ thực phẩm                                                                                                           | D540101  | A, A1    | 16             | 16   | 18.5 |
|     |                                                                                                                                 | D540101  | B        | 17             | 16   | 18.5 |
|     |                                                                                                                                 | D540101  | D1       | 17             |      |      |
|     | - Kỹ thuật Hệ thống công nghiệp                                                                                                 | D510602  | A, A1    | 15             | 16.5 | 18.5 |
|     |                                                                                                                                 | D510602  | D1       | 15             | 17.5 | 18.5 |
|     | - Quản trị Kinh doanh                                                                                                           | D340101  | A, A1    | 16.5           | 18   | 20.5 |
|     |                                                                                                                                 | D340101  | D1       | 18.5           | 21   | 21   |
|     | - Tài chính ngân hàng                                                                                                           | D340201  | A, A1    | 18             | 18   | 18   |
|     |                                                                                                                                 | D340201  | D1       | 19.5           | 21   | 18.5 |
|     | - Kỹ thuật xây dựng                                                                                                             | D580208  | A, A1    | 14             | 15   | 17   |
|     | - Toán ứng dụng (Kỹ thuật tài chính và Quản trị Rủi ro)                                                                         | D460112  | A, A1    |                |      | 16.5 |
| 5   | <b>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên</b><br><i>Mã trường (QST)</i>                                                               |          |          |                |      |      |
|     | <b>Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                               |          |          |                |      |      |
|     | - Toán học (Giải tích, Đại số, Giải tích số, Tin học ứng dụng, Toán kinh tế, Thống kê, Toán cơ, Phương pháp Toán trong Tin học) | D460101  | A, A1    | 15             | 15   | 18.5 |

| Stt | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                                                                                                                               | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|------|
|     |                                                                                                                                                                  |          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|     | - Vật lý (VL lý thuyết, VL chất rắn, VL điện tử, VL ứng dụng, VL hạt nhân, VL trái đất, Vật lý-Tin học, Vật lý môi trường)                                       | D440102  | A        | 14.5           | 14.5 | 17   |
|     | - Kỹ thuật hạt nhân                                                                                                                                              | D520402  | A        |                | 18.5 | 22.5 |
|     | - Kỹ thuật điện tử truyền thông (Điện tử Nano, Máy tính & Mạng, Viễn thông, Điện tử y sinh)                                                                      | D520207  | A, A1    | 16             | 16   | 19.5 |
|     | - Hải dương học-Khí tượng-Thủy văn (Hải dương học Vật lý, Hải dương học Toán Tin, Hải dương học Hóa Sinh, Hải dương học Kỹ thuật Kinh tế, Khí tượng và thủy văn) | D440228  | A        | 14.5           | 14.5 | 16   |
|     |                                                                                                                                                                  | D440228  | B        | 16             | 15   | 17.5 |
|     | - Nhóm ngành Công nghệ thông tin                                                                                                                                 | D480201  | A, A1    | 17             | 17.5 | 20.5 |
|     | + Truyền thông và Mạng Máy tính                                                                                                                                  | D480102  |          |                |      |      |
|     | + Khoa học máy tính                                                                                                                                              | D480101  |          |                |      |      |
|     | + Kỹ thuật phần mềm                                                                                                                                              | D480103  |          |                |      |      |
|     | + Hệ thống thông tin                                                                                                                                             | D480104  |          |                |      |      |
|     | - Hóa học (Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Hóa lý).                                                                                                        | D440112  | A        | 16             | 17   | 21   |
|     |                                                                                                                                                                  | D440112  | B        |                | 19.5 | 23   |
|     | - Địa chất (Địa chất dầu khí, Địa chất công trình-Thủy văn, Điều tra khoáng sản, Địa chất môi trường)                                                            | D440201  | A        | 14.5           | 14.5 | 17.5 |
|     |                                                                                                                                                                  | D440201  | B        | 17.5           | 16.5 | 20.5 |

| Stt      | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                                                                                                     | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |       |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|-------|
|          |                                                                                                                                        |          |          | 2011           | 2012 | 2013  |
|          | Khoa học môi trường (Khoa học môi trường, Tài nguyên môi trường, Quản lý môi trường, Tin học môi trường, Môi trường & Tài nguyên biển) | D440301  | A        | 15             | 15.5 | 19.5  |
|          |                                                                                                                                        | D440301  | B        | 17.5           | 20   | 20    |
|          | - Công nghệ Kỹ thuật môi trường                                                                                                        | D510406  | A        | 15.5           | 15.5 | 20    |
|          |                                                                                                                                        | D510406  | B        | 19             | 18   | 20    |
|          | - Khoa học vật liệu ( <i>Vật liệu màng mỏng, Vật liệu Polyme</i> )                                                                     | D430122  | A        | 14             | 14   | 17    |
|          |                                                                                                                                        | D430122  | B        | 17             | 17.5 | 20.5  |
|          | - Sinh học ( <i>Tài nguyên môi trường, SH thực vật, SH động vật, Vi sinh sinh hóa</i> )                                                | D420101  | B        | 15             | 16   | 17.5  |
|          | Công nghệ sinh học ( <i>Sinh học y dược, CNSH nông nghiệp, CNSH môi trường, CNSH công nghiệp, Sinh tin học</i> )                       | D420201  | A        | 17             | 18.5 | 22    |
|          |                                                                                                                                        | D420201  | B        | 20             | 21.5 | 22.5  |
|          | <b>Các ngành đào tạo cao đẳng:</b>                                                                                                     |          |          |                |      |       |
|          | - Công nghệ thông Tin                                                                                                                  | C480201  | A, A1    | 10             | 10   |       |
| <b>6</b> | <b>Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn</b><br><i>Mã trường (QSX)</i>                                                                 |          |          |                |      |       |
|          | <b>* Các ngành đào tạo đại học:</b>                                                                                                    |          |          |                |      |       |
|          | - Văn học (Văn học và Ngôn ngữ)                                                                                                        | D220330  | C        | 15.5           | 20*  | 23.5* |
|          |                                                                                                                                        | D220330  | D1       | 15.5           | 20*  | 23.5* |
|          | - Ngôn ngữ học (Văn học và Ngôn ngữ)                                                                                                   | D220320  | C        |                | 20*  | 23.5* |
|          |                                                                                                                                        | D220320  | D1       |                | 20*  | 23.5* |

| Stt | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                       | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|-----|----------------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|------|
|     |                                                          |          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|     | - Báo chí (Báo chí và Truyền thông)                      | D320101  | C        | 19.5           | 21.5 | 22   |
|     |                                                          | D320101  | D1       | 19.5           | 21.5 | 21.5 |
|     | - Lịch sử                                                | D220310  | C        | 14.5           | 19*  | 19*  |
|     |                                                          | D220310  | D1       | 14.5           | 14.5 | 14.5 |
|     | - Nhân học                                               | D310302  | C        | 14.5           | 15   | 15   |
|     |                                                          | D310302  | D1       | 14.5           | 14.5 | 14.5 |
|     | - Triết học                                              | D220301  | A, A1    | 14.5           | 14.5 | 14.5 |
|     |                                                          | D220301  | C        | 15             | 15   | 15.5 |
|     |                                                          | D220301  | D1       | 15             | 15   | 14.5 |
|     | - Địa lý                                                 | D310501  | A        | 14.5           | 14.5 | 15.5 |
|     |                                                          | D310501  | A1       | 14.5           | 14.5 | 16   |
|     |                                                          | D310501  | B        | 14.5           | 14.5 | 15.5 |
|     |                                                          | D310501  | C        | 15             | 20*  | 24*  |
|     |                                                          | D310501  | D1       | 15             | 15   | 15   |
|     | - Xã hội học                                             | D310301  | A        | 14.5           | 14.5 | 17   |
|     |                                                          | D310301  | A1       | 14.5           | 14.5 | 17.5 |
|     |                                                          | D310301  | C        | 15             | 15   | 19   |
|     |                                                          | D310301  | D1       | 15             | 14.5 | 18   |
|     | - Thông tin học (Khoa học thư viện; Thư viện- thông tin) | D320201  | A, A1    | 14.5           | 14.5 | 14.5 |
|     |                                                          | D320201  | C        | 14.5           | 15   | 15   |
|     |                                                          | D320201  | D1       | 14.5           | 14.5 | 14.5 |

| Stt | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành              | Mã ngành | Khối thi | Điểm chuẩn NV1 |      |      |
|-----|-------------------------------------------------|----------|----------|----------------|------|------|
|     |                                                 |          |          | 2011           | 2012 | 2013 |
|     | - Đông phương học                               | D220213  | D1       | 16             | 16.5 | 19.0 |
|     | - Giáo dục học                                  | D140101  | C        | 14.5           | 15   | 15   |
|     |                                                 | D140101  | D1       | 14.5           | 14.5 | 14.5 |
|     | - Lưu trữ học                                   | D320303  | C        | 14.5           | 15   | 15   |
|     |                                                 | D320303  | D1       | 14.5           | 14.5 | 14.5 |
|     | - Văn hóa học                                   | D220340  | C        | 15             | 15   | 15.5 |
|     |                                                 | D220340  | D1       | 15             | 14.5 | 15.5 |
|     | - Công tác xã hội                               | D760101  | C        | 14.5           | 16.5 | 16   |
|     |                                                 | D760101  | D1       | 14.5           | 15.5 | 16   |
|     | - Tâm lý học                                    | D310401  | B        | 18.5           | 19   | 21.5 |
|     |                                                 | D310401  | C        | 18             | 19   | 21   |
|     |                                                 | D310401  | D1       | 18.5           | 19   | 21   |
|     | - Quy hoạch vùng và đô thị (Đô thị học)         | D580105  | A, A1    | 14.5           | 14.5 | 18   |
|     |                                                 | D580105  | D1       | 14.5           | 16   | 19   |
|     | - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Du lịch) | D340103  | C        | 16.5           | 20   | 19   |
|     |                                                 | D340103  | D1       | 16.5           | 20   | 19   |
|     | - Nhật Bản học                                  | D220216  | D1       | 18             | 18.5 | 21   |
|     |                                                 | D220216  | D6       | 15.5           | 18   | 20   |
|     | - Hàn Quốc học                                  | D220217  | D1       | 17             | 18.5 | 19.5 |

| Stt | Tên đơn vị<br>Tên nhóm ngành/ngành                                    | Mã<br>ngành | Khối<br>thi | Điểm chuẩn NV1 |      |       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|----------------|------|-------|
|     |                                                                       |             |             | 2011           | 2012 | 2013  |
|     | - Ngôn ngữ Anh (Ngữ văn Anh)                                          | D220201     | D1          | 17             | 28*  | 28*   |
|     | - Ngôn ngữ Nga (Song ngữ Nga – Anh)                                   | D220202     | D1          | 15             | 19*  | 22.5* |
|     |                                                                       | D220202     | D2          | 15             | 23*  | 23*   |
|     | - Ngôn ngữ Pháp (Ngữ văn Pháp)                                        | D220203     | D1          | 15             | 19*  | 23.5* |
|     |                                                                       | D220203     | D3          | 15             | 19*  | 23*   |
|     | - Ngôn ngữ Trung Quốc (Ngữ văn Trung)                                 | D220204     | D1          | 15             | 19*  | 23.5* |
|     |                                                                       | D220204     | D4          | 15             | 19*  | 24.5* |
|     | - Ngôn ngữ Đức (Ngữ văn Đức)                                          | D220205     | D1          | 15             | 19*  | 24.5* |
|     |                                                                       | D220205     | D5          | 15.5           | 19*  | 23*   |
|     | - Quan hệ Quốc tế                                                     | D310206     | D1          | 19             | 21   | 21.5  |
|     | - Ngôn ngữ Tây Ban Nha (Ngữ văn Tây ban Nha)                          | D220206     | D1          | 15             | 19*  | 23*   |
|     |                                                                       | D220206     | D3          |                |      | 23*   |
|     | - Ngôn ngữ Italia (Ngữ văn Ý)                                         | D220208     | D1          |                | 19*  | 20*   |
|     |                                                                       | D220208     | D3          |                | 19*  | 20*   |
| 7   | <b>Khoa Y - Đại học Quốc gia<br/>Tp.HCM</b><br><i>Mã trường (QSY)</i> |             |             |                |      |       |
|     | - Y Đa khoa                                                           | D720101     | B           | 23.5           | 24   | 26    |

(\*): nhân hệ số 2



## PHỤ LỤC 2

# HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

### 1. Quy định chung

- Phần ghi bằng chữ, thí sinh dùng bút mực hoặc bút bi (không phải là mực đỏ) để viết, không được phép thay đổi màu mực và nét chữ trên phiếu trả lời trắc nghiệm (TLTN); nên mang theo đồng hồ để theo dõi giờ làm bài.
- Phần tô các ô tròn (mục 9, mục 10 và phần trả lời), thí sinh chỉ được dùng bút chì lần lượt tô kín ô tròn được chọn. Nếu tô nhầm ô thì phải tẩy sạch, sau đó tô vào ô mới được chọn. hết sức lưu ý khi viết và tô số báo danh và mã đề thi.
- Ngoài 10 mục cần ghi trên phiếu bằng bút mực và các câu trả lời tô chì, thí sinh **tuyệt đối không được** viết gì thêm hoặc để lại dấu hiệu riêng trên phiếu TLTN. Bài có dấu riêng sẽ bị coi là phạm quy và không được chấm điểm.
- Các trường hợp câu trả lời không được chấm điểm: Gạch chéo (x), đánh dấu (✓), chấm, không tô kín vào ô trả lời hoặc tô 2 ô trở lên cho một câu hoặc khi thay đổi câu trả lời, thí sinh tô một ô mới nhưng tẩy ô cũ không sạch.
- Giữ cho phiếu TLTN phẳng; không gấp nếp, bôi bẩn, mép giấy bị quăn, làm rách phiếu TLTN; đây là bài làm của thí sinh, được chấm bằng máy.
- Đọc kỹ và làm theo hướng dẫn được in trên phiếu TLTN.
- Thí sinh **không ra ngoài** trong suốt thời gian làm bài, trừ trường hợp thật cần thiết và phải theo hướng dẫn của CBCT.
- Thí sinh không được rời khỏi phòng thi trước khi hết giờ làm bài, trừ trường hợp thật cần thiết.

## 2. Quy định cụ thể

### 2.1. Điền các thông tin cần thiết vào phiếu trả lời trắc nghiệm

- Trước giờ làm bài, mỗi thí sinh được phát 1 tờ phiếu TLTN (xem mẫu ở phụ lục 2) và 1 tờ giấy nháp đã có chữ ký của cán bộ coi thi. **Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn trên phiếu TLTN.**
- Từ mục số 1 đến mục số 9, thí sinh dùng **bút mực** (không phải là mực đỏ) điền các thông tin giống như trên Giấy báo thi và ký tên vào mục số 6. Mục 9, ghi phần chữ số của số báo danh và thêm các chữ số 0 vào bên trái (nếu chưa đủ) cho đủ 6 chữ số.

*Ví dụ:*

1. Tên trường ĐKDT: **Trường ĐH Quốc tế**

Mã trường: **QSQ**

2. Địa điểm thi: **THPT Hoàng Hoa Thám**

7. Môn thi: **Tiếng Anh**

3. Phòng thi: **P0016**

8. Ngày thi: **09/7/2014**

4. Họ, chữ đệm và tên thí sinh: .....

9. Số báo danh

10. Mã đề thi

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 3 | 5 | 7 | 9 |
|---|---|---|---|---|---|

|   |   |   |
|---|---|---|
| 1 | 3 | 5 |
|---|---|---|

**Nguyễn Thanh Hằng** .....

5. Ngày sinh: 23/2/1996

6. Chữ ký của thí sinh: .....

- Mục số 9, thí sinh dùng bút chì, lần lượt theo từng cột tô kín ô tròn có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu cột. Nếu tô nhầm ô thì phải tẩy sạch, sau đó tô vào ô mới được chọn.

**Ví dụ:**

**9. Số báo danh**

|   |   |   |   |   |   |                                             |
|---|---|---|---|---|---|---------------------------------------------|
| 0 | 0 | 3 | 5 | 7 | 9 | ← Phần ghi số, dùng bút mực                 |
| ● | ● | ○ | ○ | ○ | ○ | ← Phần tô kín ô có chữ số, dùng bút chì đen |
| ① | ① | ① | ① | ① | ① |                                             |
| ② | ② | ② | ② | ② | ② |                                             |
| ③ | ③ | ● | ③ | ③ | ③ |                                             |
| ④ | ④ | ④ | ④ | ④ | ④ |                                             |
| ⑤ | ⑤ | ⑤ | ● | ⑤ | ⑤ |                                             |
| ⑥ | ⑥ | ⑥ | ⑥ | ⑥ | ⑥ |                                             |
| ⑦ | ⑦ | ⑦ | ⑦ | ● | ⑦ |                                             |
| ⑧ | ⑧ | ⑧ | ⑧ | ⑧ | ⑧ |                                             |
| ⑨ | ⑨ | ⑨ | ⑨ | ⑨ | ● |                                             |

**10. Mã đề thi**

|   |   |   |                                             |
|---|---|---|---------------------------------------------|
| 1 | 3 | 5 | ← Phần ghi số, dùng bút mực                 |
| ○ | ○ | ○ | ← Phần tô kín ô có chữ số, dùng bút chì đen |
| ● | ① | ① |                                             |
| ② | ② | ② |                                             |
| ③ | ● | ③ |                                             |
| ④ | ④ | ④ |                                             |
| ⑤ | ⑤ | ● |                                             |
| ⑥ | ⑥ | ⑥ |                                             |
| ⑦ | ⑦ | ⑦ |                                             |
| ⑧ | ⑧ | ⑧ |                                             |
| ⑨ | ⑨ | ⑨ |                                             |

**2.2 Làm bài**

Thí sinh phải làm bài trên phiếu TLTN. Phần các ô tròn để tô trên phiếu TLTN **chỉ được phép tô bằng bút chì**.

- Cần đọc kỹ nội dung câu trắc nghiệm để lựa chọn **một** phương án đúng (A hoặc B hoặc C hoặc D) và dùng bút chì đen tô kín ô tròn tương ứng với chữ cái đã chọn trong phiếu TLTN. Ví dụ: Phương

án đúng của câu 1 là B, câu 2 là D, câu 3 là C... thì tô như sau:

|    |                         |                                    |                                    |                                    |
|----|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
| 01 | <input type="radio"/> A | <input checked="" type="radio"/> B | <input type="radio"/> C            | <input type="radio"/> D            |
| 02 | <input type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input type="radio"/> C            | <input checked="" type="radio"/> D |
| 03 | <input type="radio"/> A | <input type="radio"/> B            | <input checked="" type="radio"/> C | <input type="radio"/> D            |

- Đề thi có 2 phần: phần chung cho tất cả thí sinh được ra theo phần giao thoa giữa chương trình chuẩn và chương trình nâng cao; phần riêng được ra theo từng chương trình: chương trình chuẩn và chương trình nâng cao (riêng đề thi các môn ngoại ngữ chỉ có phần chung). Thí sinh chỉ được làm một phần riêng thích hợp. Thí sinh nào làm cả 2 phần riêng (dù làm hết hay không hết, dù làm đúng hay không đúng), bài làm coi như phạm quy, chỉ được chấm điểm phần chung và không được chấm điểm phần riêng.

**- Chú ý những điều sau:**

- + Không dừng lại quá lâu trước một câu hỏi nào đó, nếu khó thì tạm thời bỏ qua để làm câu khác, cuối giờ quay trở lại làm tiếp; làm đến câu nào tô ngay câu đó vào phiếu TLTN; khi tô các ô tròn phải tô đậm và lấp kín diện tích cả ô (tuyệt đối không gạch chéo hoặc đánh dấu); ứng với mỗi câu chỉ được tô một ô tròn.
- + Nếu tô nhầm hoặc muốn thay đổi phương án trả lời thì tẩy thật sạch ô cũ và tô kín ô khác mà mình mới lựa chọn.
- + Câu trả lời nào bị tô đen từ hai phương án trả lời trở lên sẽ bị loại và không tính điểm.
- + Số thứ tự câu trả lời trên phiếu TLTN phải trùng với số thứ tự câu hỏi của đề thi; chỉ có phiếu TLTN mới được coi là bài làm của thí sinh.
- + Để bài làm chấm được bằng máy, phiếu TLTN phải sạch sẽ, không rách, không thủng, không nhàu nát, không có vết gấp, mép giấy không bị quăn.
- + Ngoài 10 mục cần ghi trên phiếu bằng bút mực và các câu trả lời đã tô bằng bút chì, **tuyệt đối không được viết gì thêm hoặc để lại dấu hiệu riêng trên phiếu TLTN;**

## PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

|                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------|
| Chữ ký Giám thị 1<br>Họ tên: .....                                                                                                                                                                                                | 1. Tên trường ĐKDT: .....<br>Ký hiệu trường (bằng chữ): .....<br>2. Địa điểm thi: .....<br>3. Phòng thi: .....<br>4. Họ và tên thí sinh: .....<br>5. Ngày sinh: ...../...../.....<br>6. Chữ ký của thí sinh: .....<br>7. Môn thi: .....<br>8. Ngày thi: ...../...../..... | 9. Số báo danh | 10. Mã đề thi |
| Chữ ký Giám thị 2<br>Họ tên: .....                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |               |
| <b>Thí sinh lưu ý:</b><br>- Giữ cho phiếu phẳng, không búi bấn, làm rách.<br>- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn.<br>- Dùng bút chì đen tô kín các ô tròn trong mục <b>Số báo danh</b> , <b>Mã đề thi</b> trước khi làm bài. |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |               |

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 |
| 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 |
| 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 |
| 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |
| 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 | 9 |

**Phần trả lời:** Số thứ tự câu trả lời dưới đây ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và tô kín một ô tròn tương ứng với phương án trả lời đúng.

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01 (A) (B) (C) (D)<br>02 (A) (B) (C) (D)<br>03 (A) (B) (C) (D)<br>04 (A) (B) (C) (D)<br>05 (A) (B) (C) (D)<br>06 (A) (B) (C) (D)<br>07 (A) (B) (C) (D)<br>08 (A) (B) (C) (D)<br>09 (A) (B) (C) (D)<br>10 (A) (B) (C) (D)<br>11 (A) (B) (C) (D)<br>12 (A) (B) (C) (D)<br>13 (A) (B) (C) (D)<br>14 (A) (B) (C) (D)<br>15 (A) (B) (C) (D)<br>16 (A) (B) (C) (D)<br>17 (A) (B) (C) (D)<br>18 (A) (B) (C) (D)<br>19 (A) (B) (C) (D)<br>20 (A) (B) (C) (D)<br>21 (A) (B) (C) (D)<br>22 (A) (B) (C) (D)<br>23 (A) (B) (C) (D)<br>24 (A) (B) (C) (D)<br>25 (A) (B) (C) (D) | 26 (A) (B) (C) (D)<br>27 (A) (B) (C) (D)<br>28 (A) (B) (C) (D)<br>29 (A) (B) (C) (D)<br>30 (A) (B) (C) (D)<br>31 (A) (B) (C) (D)<br>32 (A) (B) (C) (D)<br>33 (A) (B) (C) (D)<br>34 (A) (B) (C) (D)<br>35 (A) (B) (C) (D)<br>36 (A) (B) (C) (D)<br>37 (A) (B) (C) (D)<br>38 (A) (B) (C) (D)<br>39 (A) (B) (C) (D)<br>40 (A) (B) (C) (D)<br>41 (A) (B) (C) (D)<br>42 (A) (B) (C) (D)<br>43 (A) (B) (C) (D)<br>44 (A) (B) (C) (D)<br>45 (A) (B) (C) (D)<br>46 (A) (B) (C) (D)<br>47 (A) (B) (C) (D)<br>48 (A) (B) (C) (D)<br>49 (A) (B) (C) (D)<br>50 (A) (B) (C) (D) | 51 (A) (B) (C) (D)<br>52 (A) (B) (C) (D)<br>53 (A) (B) (C) (D)<br>54 (A) (B) (C) (D)<br>55 (A) (B) (C) (D)<br>56 (A) (B) (C) (D)<br>57 (A) (B) (C) (D)<br>58 (A) (B) (C) (D)<br>59 (A) (B) (C) (D)<br>60 (A) (B) (C) (D)<br>61 (A) (B) (C) (D)<br>62 (A) (B) (C) (D)<br>63 (A) (B) (C) (D)<br>64 (A) (B) (C) (D)<br>65 (A) (B) (C) (D)<br>66 (A) (B) (C) (D)<br>67 (A) (B) (C) (D)<br>68 (A) (B) (C) (D)<br>69 (A) (B) (C) (D)<br>70 (A) (B) (C) (D)<br>71 (A) (B) (C) (D)<br>72 (A) (B) (C) (D)<br>73 (A) (B) (C) (D)<br>74 (A) (B) (C) (D)<br>75 (A) (B) (C) (D) | 76 (A) (B) (C) (D)<br>77 (A) (B) (C) (D)<br>78 (A) (B) (C) (D)<br>79 (A) (B) (C) (D)<br>80 (A) (B) (C) (D)<br>81 (A) (B) (C) (D)<br>82 (A) (B) (C) (D)<br>83 (A) (B) (C) (D)<br>84 (A) (B) (C) (D)<br>85 (A) (B) (C) (D)<br>86 (A) (B) (C) (D)<br>87 (A) (B) (C) (D)<br>88 (A) (B) (C) (D)<br>89 (A) (B) (C) (D)<br>90 (A) (B) (C) (D)<br>91 (A) (B) (C) (D)<br>92 (A) (B) (C) (D)<br>93 (A) (B) (C) (D)<br>94 (A) (B) (C) (D)<br>95 (A) (B) (C) (D)<br>96 (A) (B) (C) (D)<br>97 (A) (B) (C) (D)<br>98 (A) (B) (C) (D)<br>99 (A) (B) (C) (D)<br>100 (A) (B) (C) (D) |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|



**Các cơ sở đào tạo thành viên và trực thuộc ĐHQG-HCM:**

- Trường Đại học Bách khoa
- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
- Trường Đại học Kinh tế - Luật
- Trường Đại học Quốc tế
- Trường Đại học Công nghệ thông tin
- Khoa Y
- Viện Môi trường và Tài nguyên
- Viện đào tạo Quốc tế
- Trường Phổ thông Năng khiếu

**Một số trung tâm nghiên cứu và dịch vụ:**

- Trung tâm Đại học Pháp (PUF)
- Trung tâm Lý luận chính trị
- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng
- Thư viện Trung tâm
- Trung tâm Quản lý ký túc xá
- Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo
- Khu Công nghệ phần mềm
- Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo Thiết kế Vi mạch (ICDREC)
- Trung tâm Xuất sắc John von Neumann (JVN)
- Trung tâm Manar
- Trung tâm Quản lý nước và biến đổi khí hậu (WACC)
- Trung tâm Dịch vụ và xúc tiến đầu tư
- Trung tâm Quản lý và Phát triển khu đô thị